

DANH SÁCH SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN (Hệ Đại học)
HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH

Từ ngày 17/06/2013 đến ngày 06/07/2013

(Kèm theo Quyết định số 59/QĐ-TQS ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Hiệu trưởng TQS)

TT lớp	MSV	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				TB	XL
					CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB		
1	1821524821	Hoàng Tuấn Anh	17/06/1993	K18YDH1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	7.1	K
2	1820524832	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	07/07/1993	K18YDH1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
3	1821524177	Trần Văn Cảnh	10/11/1994	K18YDH1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	6.0	6.4	6.5	TBK
4	1821525275	Nguyễn Văn Chiến	28/05/1994	K18YDH1					7.0	6.0								KĐĐK
5	1821526043	Nguyễn Phước Duy	30/12/1994	K18YDH1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	5.0	7.0	6.9	6.8	TBK
6	1820524186	Trương Lê Hoàng Duyên	24/01/1994	K18YDH1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	7.2	K
7	1821523609	Lâm Quang Gia Đạt	08/04/1994	K18YDH1	8.0	9.0	8.0	8.2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.8	K
8	1820524838	Phạm Thị Hiền	16/01/1993	K18YDH1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0						KĐĐK
9	1820526544	Vũ Thị Thu Hiền	11/11/1994	K18YDH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	7.0	6.9	6.7	TBK
10	1820524826	Hoàng Phương Hoa	26/06/1993	K18YDH1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.1	K
11	1821525297	Võ Đức Hoàng	11/12/1994	K18YDH1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	8.0	7.8	6.9	TBK
12	1820524824	Phan Thị Kim Hồng	02/02/1994	K18YDH1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	7.0	6.9	6.5	TBK
13	1821523586	Nguyễn Hữu Hưng	02/08/1994	K18YDH1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	7.0	7.1	7.3	K
14	1821524191	Đỗ Nguyễn Khôi	12/03/1994	K18YDH1	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.5	K
15	1820525274	Nguyễn Thị Minh Khuê	22/08/1994	K18YDH1	8.0	9.0	8.0	8.2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	5.0	7.0	6.9	7.5	K
16	1820524820	Phan Thị Hồng Liên	20/04/1994	K18YDH1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	5.0	7.0	6.9	7.2	K
17	1820524193	Lê Thị Thùy Linh	10/05/1994	K18YDH1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	K
18	1820525689	Nguyễn Thị Phương Nga	01/01/1994	K18YDH1	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	5.0	6.0	6.4	6.5	TBK
19	1820523582	Châu Ngọc Mai Ngân	14/07/1994	K18YDH1	8.0	6.0	8.0	7.6	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK
20	1820524839	Ngô Thị Thảo Nguyên	10/01/1994	K18YDH1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
21	1820525284	Nguyễn Thị Thanh Nhân	01/06/1993	K18YDH1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	6.9	TBK
22	1821526433	Trần Bảo Nhân	24/06/1994	K18YDH1	8.0	9.0	7.0	7.7	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	6.0	6.4	6.7	TBK
23	1821525283	Đỗ Đại Phong	26/11/1992	K18YDH1	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	K
24	1821523588	Huỳnh Bá Tài	13/09/1994	K18YDH1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK
25	1820524184	Trần Thị Thanh Tâm	02/02/1993	K18YDH1	8.0	5.0	9.0	7.9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	8.0	7.6	7.3	K
26	1821524818	Doãn Bá Tín	01/08/1992	K18YDH1										8.0	7.0	7.0	7.3	KĐĐK
27	1821526038	Nguyễn Văn Tứ	05/03/1993	K18YDH1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	7.0	6.9	6.8	TBK
28	1820523590	Trần Thạch Thảo	22/10/1994	K18YDH1	6.0	9.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.4	TBK

29	1820525273	Đỗ Xuân	Thảo	06/03/1994	K18YDH1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K
30	1821524198	Lê Hữu	Thắng	08/02/1994	K18YDH1	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	5.0	5.0	5.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.1	TBK
31	1820524822	Bùi Thị Thanh	Thúy	06/10/1993	K18YDH1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
32	1821526045	Ngô Quang	Thụy	24/09/1994	K18YDH1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	8.0	7.4	6.7	TBK
33	1820525291	Nguyễn Anh	Thư	01/01/1993	K18YDH1	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K
34	1820524204	Tô Thị Kim	Thương	28/05/1993	K18YDH1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	8.0	7.6	7.2	K
35	1821524185	Nguyễn Hữu Quốc	Việt	14/01/1994	K18YDH1	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	6.0	8.0	7.6	7.4	K
36	1820526624	Lê Ngọc	Vy	29/05/1994	K18YDH1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	7.0	6.9	6.5	TBK
37	1820523601	Nguyễn Thị Hà	Xuyên	06/06/1994	K18YDH1	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	6.8	TBK
38	1820524205	Phạm Thị Minh	Yên	26/09/1994	K18YDH1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	7.0	6.9	7.4	K
1	1821524190	Phan Thế	Anh	19/12/1994	K18YDH2	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	6.7	TBK
2	1821523870	Hoàng Xuân	Bách	15/01/1994	K18YDH2	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	7.4	K
3	1821526625	Phạm Phi	Cường	04/03/1993	K18YDH2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	6.9	TBK
4	1820526431	Lê Thị Mí	Chi	05/07/1994	K18YDH2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	K
5	1820524192	Hồ Thanh Thùy	Dung	06/07/1994	K18YDH2	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.9	K
6	1820524210	Trần Mỹ Thùy	Dung	30/05/1994	K18YDH2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	5.0	7.0	6.9	7.5	K
7	1820524197	Phạm Mỹ	Duyên	29/05/1994	K18YDH2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	9.0	8.1						KĐĐK
8	1820524841	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	13/06/1994	K18YDH2	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	7.6	K
9	1820525687	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	13/09/1994	K18YDH2	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	7.0	6.9	7.7	K
10	1820523604	Tô Thị Mỹ	Huyền	09/10/1994	K18YDH2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
11	1821523600	Ngô Bá Việt	Hung	13/12/1993	K18YDH2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.6	K
12	1821525681	Võ Thế	Kiệt	19/08/1994	K18YDH2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	7.0	6.9	6.8	TBK
13	1820525684	Nguyễn Thị Diệu	Linh	03/09/1994	K18YDH2	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	7.4	K
14	1821525686	Nguyễn Phước	Long	01/04/1993	K18YDH2	8.0	9.0	7.0	7.7	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	7.0	6.9	7.5	K
15	1821526212	Lê Đăng	Luận	02/01/1994	K18YDH2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	7.0	6.9	7.3	K
16	1820525278	Lê Đa Thảo	Ly	18/11/1994	K18YDH2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	7.2	K
17	1820524837	Hoàng Nguyễn Quỳnh	Mai	16/10/1994	K18YDH2	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.5	K
18	1821525277	Nguyễn Vũ Xuân	Nam	21/11/1994	K18YDH2	8.0	9.0	8.0	8.2	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	6.0	6.0	6.6	7.6	K
19	1820525300	Phan Phương	Ngọc	07/10/1994	K18YDH2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.5	K
20	1820524208	Phan Vũ Thảo	Nguyên	24/03/1993	K18YDH2	6.0	6.0	5.0	5.5	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK
21	1820526579	Trương Thị Mỹ	Nhung	02/06/1994	K18YDH2	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
22	1821523598	Mai Hoàng	Phúc	22/07/1992	K18YDH2	8.0	9.0	6.0	7.2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	5.0	6.1	7.1	K
23	1820525865	Lê Thị Đại	Phương	17/11/1994	K18YDH2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
24	1821525287	Đỗ Hoài	Phương	30/09/1994	K18YDH2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	K

25	1820526046	Nguyễn	Thị Nhật	Quỳnh	18/06/1994	K18YDH2	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
26	1820523603	Đoàn	Thị Thanh	Thảo	01/01/1994	K18YDH2	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K
27	1821524178	Đình	Nhật	Thăng	07/11/1994	K18YDH2	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	5.0	7.0	6.9	7.3	K
28	1820526429	Phạm	Thị Thu	Thùy	27/12/1994	K18YDH2	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	7.0	6.9	7.8	K
29	1820525301	Phạm	Thị	Thúy	26/11/1994	K18YDH2	8.0	9.0	7.0	7.7	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	7.0	6.9	7.5	K
30	1820525286	Lê	Thị Huyền	Thương	15/08/1994	K18YDH2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K
31	1820524196	Phan	Thị Thu	Trang	04/07/1994	K18YDH2	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	7.5	K
32	1820526044	Trương	Thị Thùy	Trang	24/11/1993	K18YDH2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.6	K
33	1820524836	Ngô	Thị Việt	Trình	23/06/1994	K18YDH2	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	9.0	8.0	8.2	8.0	7.0	7.0	7.3	7.7	K
34	1821523611	Ngô	Vân	Trương	29/12/1994	K18YDH2	7.0	9.0	7.0	7.4	7.0	5.0	6.0	6.1						KĐĐK
35	1820525690	Nguyễn	Thị Diệu Thảo	Vi	09/09/1994	K18YDH2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
36	1821526514	Phạm	Thế	Vương	22/08/1994	K18YDH2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	5.0	7.0	6.9	7.1	K
37	1821526304	Đặng	Công Minh	Xuân	06/03/1994	K18YDH2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K
38	1820525303	Phạm	Thị Quỳnh	Yên	14/07/1994	K18YDH2	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	5.0	7.0	6.9	7.8	K
39	1820525299	Phan	Ngọc	Yến	14/11/1994	K18YDH2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
1	1820523599	Nguyễn	Thị Việt	Anh	11/01/1993	K18YDH3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K
2	1821525683	Phạm	Vân	Cường	06/01/1994	K18YDH3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK
3	1821524203	Nguyễn	Ngọc	Danh	10/08/1990	K18YDH3	8.0	6.0			8.0	7.0	7.0	7.3						KĐĐK
4	1820525862	Võ	Thị Thùy	Dung	01/09/1994	K18YDH3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	6.6	TBK
5	1821523593	Lê	Quang	Đại	23/07/1991	K18YDH3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	6.6	TBK
6	1821523605	Đoàn	Tiến	Đạt	02/09/1994	K18YDH3	8.0	9.0	5.0	6.7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	6.4	TBK
7	1820523587	Nguyễn	Thị Hương	Giang	04/01/1994	K18YDH3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	K
8	1820524835	Nguyễn	Thị	Hậu	10/05/1994	K18YDH3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	6.4	TBK
9	1820525859	Kiều	Trúc	Hiếu	25/10/1994	K18YDH3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	6.9	TBK
10	1820524189	Đậu	Thị Mỹ	Hội	31/03/1994	K18YDH3	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	7.0	7.1	7.6	K
11	1821524209	Nguyễn	Trần Quang Quốc	Huy	15/10/1994	K18YDH3	7.0	8.0	5.0	6.2	6.0	7.0	5.0	5.7	8.0	5.0	5.0	5.9	5.9	TB
12	1820524834	Nguyễn	Thị Thanh	Huyền	12/04/1994	K18YDH3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	7.1	K
13	1820525292	Nghiêm	Thị	Huyền	03/03/1993	K18YDH3	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	6.0	6.4	6.3	TBK
14	1820525857	Nguyễn	Thị	Hương	23/03/1994	K18YDH3	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.7	K
15	1820526712	Đình	Kim	Khánh	25/02/1993	K18YDH3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.9	TBK
16	1820526713	Mai	Thị Mỹ	Liên	20/04/1992	K18YDH3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	6.0	6.4	7.1	K
17	1820524202	Lý	Thị Mỹ	Linh	27/10/1994	K18YDH3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	9.0	8.3	7.0		6.0			KĐĐK
18	1820523585	Huỳnh	Thị	Ly	20/11/1994	K18YDH3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	7.3	K
19	1821524207	Nguyễn	Võ Thái	Minh	29/09/1994	K18YDH3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	7.0	6.9	7.2	K

20	1821525685	Mai	Thị Hoa	Mơ	06/06/1994	K18YDH3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
21	1821524199	Lê	Đỗ Quốc	Nam	18/11/1994	K18YDH3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
22	1821525288	Trần	Duy	Nam	29/03/1994	K18YDH3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	6.4	TBK
23	1820525294	Nguyễn	Thị Chi	Nữ	09/06/1994	K18YDH3	8.0	9.0	6.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	6.8	TBK
24	1820524833	Võ	Quỳnh	Nga	14/08/1994	K18YDH3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K
25	1820524179	Lê	Thị Thu	Nguyệt	18/10/1994	K18YDH3	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	6.5	TBK
26	1820523607	Nguyễn	Hải Vân	Nhi	22/01/1993	K18YDH3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	7.3	K
27	1820526306	Nguyễn	Thị	Nhon	21/04/1994	K18YDH3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	6.0	6.8	7.3	K
28	1821524176	Mai	Đức	Phúc	02/04/1994	K18YDH3	6.0	6.0	5.0	5.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	5.0	5.0	5.9	6.3	TBK
29	1821526047	Lê	Nguyễn	Phương	11/03/1993	K18YDH3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	K
30	1821526039	Nguyễn	Quang	Sang	10/01/1994	K18YDH3	8.0	6.0	7.0	7.1	5.0	8.0	8.0	7.1	8.0	5.0	6.0	6.4	6.9	TBK
31	1820523589	Nguyễn	Thu	Thảo	01/08/1994	K18YDH3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	7.4	K
32	1821524182	Trần	Quốc	Thịnh	07/10/1994	K18YDH3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	K
33	1821524830	Trần	Quang	Thông	28/03/1994	K18YDH3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	5.0	6.0	6.4	6.5	TBK
34	1821524180	Nguyễn	Ngọc	Thới	02/02/1994	K18YDH3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK
35	1820525280	Phan	Thị Nguyệt	Thu	30/09/1993	K18YDH3	8.0	9.0	7.0	7.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	7.3	K
36	1820524201	Nguyễn	Phạm Bích	Thùy	06/08/1994	K18YDH3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	5.0	6.5	7.0	5.0	7.0	6.6	6.6	TBK
37	1820526578	Lê	Thị Kiều	Trang	26/08/1994	K18YDH3	8.0	9.0	8.0	8.2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	6.0	6.4	7.2	K
38	1820523581	Nguyễn	Thị Cẩm	Vân	14/10/1994	K18YDH3	8.0	9.0	7.0	7.7	8.0	8.0	9.0	8.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.6	K
39	1820523592	Ngô	Thị Tường	Vy	24/04/1994	K18YDH3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	6.9	TBK
40	1820525295	Trương	Mỹ Tường	Vy	07/11/1994	K18YDH3	8.0	9.0	9.0	8.7	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	7.0	6.9	7.9	K
41	1821524181	Dương	Thị Tường	Vy	25/11/1994	K18YDH3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	6.6	TBK
42	1820525289	Phạm	Thị Bảo	Yến	20/07/1993	K18YDH3	8.0	6.0	8.0	7.6	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
1	1820253689	Hà	Thị Yến	Cơ	30/01/1994	K18YDH4	8.0	9.0	7.0	7.7	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K
2	1820525860	Nguyễn	Thị	Cúc	25/11/1993	K18YDH4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK
3	1820526216	Nguyễn	Thị Thanh	Châu	02/11/1994	K18YDH4	8.0	9.0	8.0	8.2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	K
4	1821526400	Nguyễn	Vân	Chính	16/01/1994	K18YDH4	8.0	9.0	8.0	8.2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
5	1821525682	Đinh	Trần Trọng	Duy	28/02/1994	K18YDH4	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.4	TBK
6	1821524828	Nguyễn	Công	Đức	09/08/1994	K18YDH4	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6						KĐĐK
7	1821524194	Phan	Hải	Đường	15/09/1994	K18YDH4	8.0	9.0	7.0	7.7	6.0	7.0	5.0	5.7	8.0	5.0	7.0	6.9	6.8	TBK
8	1820525302	Võ	Thị Hà	Giang	14/08/1994	K18YDH4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
9	1820526663	Lê	Thị Như	Hoa	14/02/1994	K18YDH4	8.0	6.0	8.0	7.6	6.0	8.0	5.0	5.9	8.0	7.0	8.0	7.8	7.1	K
10	1821524816	Thao	A Huy	Hoàng	26/08/1994	K18YDH4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
11	1821523606	Nguyễn	Văn Bảo	Huy	26/08/1994	K18YDH4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	6.0	6.4	6.3	TBK
12	1820524829	Phạm	Thị	Hữu	23/08/1994	K18YDH4	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	7.0	7.1	7.4	K

13	1820525296	Trương	Khánh	Linh	28/10/1994	K18YDH4	8.0	8.0	7.0	7.5	6.0	7.0	6.0	6.2	8.0	5.0	7.0	6.9	6.9	TBK
14	1820524187	Mai	Thị	Lý	21/01/1993	K18YDH4	8.0	9.0	8.0	8.2	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	6.0	7.0	7.1	7.3	K
15	1821523865	Trần	Lê Phú	Mỹ	20/07/1993	K18YDH4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.8	TBK
16	1821526623	Đặng	Nguyễn	Nam	08/08/1994	K18YDH4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	7.2	K
17	1820526662	Đào	Thị Yên	Ny	01/01/1994	K18YDH4	7.0	9.0	7.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	K
18	1820524195	Nguyễn	Thị Thúy	Nga	16/07/1994	K18YDH4	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
19	1820524817	Trần	Quỳnh	Nga	27/12/1992	K18YDH4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K
20	1821526305	Trình	Ngọc Trọng	Nghĩa	28/08/1994	K18YDH4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	7.0	6.9	6.5	TBK
21	1821523608	Võ	Đức	Nhân	29/04/1994	K18YDH4					8.0	7.0								KĐĐK
22	1820523602	Trương	Thục	Nhi	26/02/1994	K18YDH4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	7.0	6.9	7.3	K
23	1820526428	Lê	Thị Thu	Phuong	19/01/1994	K18YDH4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
24	1821524200	Bùi	Minh	Tiến	31/03/1994	K18YDH4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	6.8	TBK
25	1821524819	Nguyễn	Trọng	Tín	02/07/1994	K18YDH4	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.4	TBK
26	1820714393	Phạm	Thị	Thuận	10/05/1994	K18YDH4	8.0	6.0	8.0	7.6	6.0	6.0	6.0	6.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
27	1821524206	Lê	Văn Cao	Thuận	08/12/1994	K18YDH4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	6.9	TBK
28	1820525282	Lê	Thị Thu	Thúy	10/04/1993	K18YDH4	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	6.8	TBK
29	1820524831	Hồ	Thị Bích	Trâm	11/03/1994	K18YDH4	8.0	9.0	8.0	8.2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	5.0	7.0	6.9	7.5	K
30	1820525858	Trần	Vũ Bích	Trâm	12/09/1993	K18YDH4	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
31	1820526430	Đàm	Thị Thanh	Trâm	07/09/1993	K18YDH4	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
32	1820523868	Huỳnh	Thị Việt	Trình	10/02/1994	K18YDH4	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K
33	1821524188	Trần	Quốc	Việt	01/04/1994	K18YDH4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
34	1820523596	Trương	Thị Thảo	Vy	22/01/1993	K18YDH4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K
35	1820524840	Lê	Thị Vân	Yên	28/07/1994	K18YDH4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
36	1820526432	Huỳnh	Thị Hoàng	Yên	06/11/1994	K18YDH4	8.0	9.0	6.0	7.2	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	5.0	6.0	6.4	6.7	TBK
1	1820515270	Phan	Thị	Bé	16/07/1994	K18YDD	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	8.0	7.4	7.5	K
2	1820515678	Dương	Thị Ngọc	Bích	08/03/1994	K18YDD	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	5.0	7.0	6.9	7.3	K
3	1821515267	Võ	Ngọc	Cường	31/03/1994	K18YDD	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.8	TBK
4	1821513577	Phùng	Văn	Chung	15/07/1994	K18YDD	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	G
5	1820516036	Võ	Thị Phúc	Diễm	07/08/1994	K18YDD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	7.5	K
6	1820515677	Lê	Thị	Địu	13/10/1994	K18YDD	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	8.0	7.6	7.4	K
7	1820513578	Nguyễn	Đình Khánh	Đan	17/05/1994	K18YDD	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK
8	1820514810	Nguyễn	Thị Thu	Hằng	21/12/1993	K18YDD	8.0	9.0	8.0	8.2	7.0	7.0	7.0	7.0						KĐĐK
9	1820514815	Phạm	Thị	Huệ	02/08/1994	K18YDD	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	6.0	6.4	7.4	K
10	1821514175	Phạm		Huy	02/04/1994	K18YDD	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.6	TBK
11	1820515266	Nguyễn	Thị Thúy	Liễu	18/08/1994	K18YDD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	6.0	6.4	6.5	TBK

12	1820514813	Nguyễn Thị Trúc	Linh	08/07/1994	K18YDD	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.7	K
13	1820515269	Trần Thị Khánh	Linh	19/06/1994	K18YDD	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	6.0	6.4	7.3	K
14	1820514809	Đặng Thị Phương	Ly	20/04/1994	K18YDD	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.8	K
15	1820515680	Trần Thị Khánh	Ly	20/10/1994	K18YDD	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	5.0	6.0	6.4	7.3	K
16	1820515268	Đoàn Nữ Nga	My	17/03/1994	K18YDD	8.0	9.0	9.0	8.7	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.1	G
17	1821514174	Lê Minh	Ngọc	03/01/1993	K18YDD	6.0	6.0	6.0	6.0	5.0	5.0	5.0	5.0	6.0	5.0	6.0	5.8	5.6	TB
18	1820513864	Nguyễn Thị	Oanh	21/11/1994	K18YDD	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
19	1821515679	Lê Thanh	Phú	10/04/1994	K18YDD	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
20	1820514812	Phan Thị Hoài	Phương	14/10/1994	K18YDD	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	8.0	7.4	7.6	K
21	1820516037	Lê Thị	Phượng	12/11/1993	K18YDD	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	9.0	7.9	8.0	7.0	6.0	6.8	7.6	K
22	1820514814	Trần Thị Ánh	Sương	20/10/1994	K18YDD	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
23	1820514172	Nguyễn Thị	Thảo	26/11/1994	K18YDD	8.0	9.0	7.0	7.7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
24	1820514811	Võ Thị Thu	Thảo	28/08/1994	K18YDD	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	7.0	6.9	6.8	TBK
25	1820513580	Nguyễn Hà	Thu	29/09/1994	K18YDD	8.0	9.0	8.0	8.2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.1	G
26	1820516035	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/04/1994	K18YDD	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	K
27	1820514173	Trương Thị	Xuân	12/10/1993	K18YDD	8.0	9.0	9.0	8.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.8	K
1	1820254338	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	03/09/1994	K18KKT1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
2	1820255882	Phan Thị Mỹ	Ánh	04/09/1993	K18KKT1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
3	1820256073	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	09/05/1993	K18KKT1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
4	1820256324	Đặng Thị Ngọc	Diễm	14/06/1993	K18KKT1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
5	1821256068	Trần Cao	Dương	13/03/1994	K18KKT1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
6	1820256325	Lưu Phạm Hạ	Đoan	02/02/1994	K18KKT1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
7	1820254334	Huỳnh Thị Thu	Hà	27/10/1994	K18KKT1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K
8	1820253658	Lê Trần Mỹ	Hạnh	19/02/1994	K18KKT1	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	6.0	6.0	6.0	6.0	6.7	TBK
9	1820255884	Lê Thị Thúy	Hằng	31/08/1994	K18KKT1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.6	K
10	1820255886	Trương Thị Vi	Hoa	23/06/1993	K18KKT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK
11	1821253663	Võ Minh	Hồng	12/02/1992	K18KKT1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K
12	1820254909	Nguyễn Thị Thu	Huyền	31/03/1994	K18KKT1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K
13	1820254335	Cao Thị Lan	Hương	02/12/1994	K18KKT1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
14	1820256667	Lê	Lam	24/09/1994	K18KKT1									6.0	7.0				KĐĐK
15	1820254326	Nguyễn Thị Hương	Lan	31/05/1994	K18KKT1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	7.5	K
16	1820255365	Nguyễn Thị Kim	Loan	13/06/1994	K18KKT1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
17	1820254342	Phan Thị Khánh	Ly	25/09/1994	K18KKT1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
18	1820254920	Lê Thị Ngọc	Mai	17/07/1994	K18KKT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	7.6	K
19	1820253668	Nguyễn Thị Ánh	Minh	16/01/1994	K18KKT1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	6.7	TBK

20	1820253894	Trần	Nguyễn Quỳnh	Ngân	14/12/1994	K18KKT1	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK
21	1821254348	Trần	Đại	Nhân	26/03/1994	K18KKT1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	8.0	7.8	7.3	K
22	1820254346	Nguyễn	Thị Hồng	Nhung	17/07/1994	K18KKT1	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK
23	1820255359	Lê	Thị	Oanh	15/06/1994	K18KKT1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K
24	1820254319	Trần	Thị Thanh	Phương	03/02/1994	K18KKT1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	6.0	7.0	6.0	6.2	7.3	K
25	1821253659	Đặng	Trần Hồng	Phương	14/10/1994	K18KKT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	6.0	7.0	6.6	TBK
26	1821253690	Nguyễn	Thanh	Quang	21/04/1994	K18KKT1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK
27	1821254911	Hoàng	Ngọc	Son	17/10/1994	K18KKT1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.0	7.0	6.0	6.2	6.6	TBK
28	1820254345	Nguyễn	Thị Cát	Tiên	27/06/1994	K18KKT1	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
29	1820256443	Võ	Thị Thanh	Tịnh	13/05/1994	K18KKT1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
30	1821256329	Kiều	Văn	Tùng	11/09/1993	K18KKT1	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
31	1820255369	Trần	Thị Phương	Thảo	09/01/1994	K18KKT1	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
32	1820256446	Đặng	Thị Thanh	Thảo	19/08/1994	K18KKT1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
33	1821256077	Huỳnh	Phước	Thiện	31/01/1994	K18KKT1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
34	1820253666	Trần	Thị Minh	Thúy	28/08/1994	K18KKT1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
35	1821254321	Đỗ	Đặng	Thượng	13/06/1994	K18KKT1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
36	1820254317	Trần	Thị	Trang	22/10/1994	K18KKT1	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK
37	1820255889	Tăng	Thị Hoài	Trình	01/01/1994	K18KKT1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K
38	1820254917	Đỗ	Thanh Nhã	Uyên	30/01/1994	K18KKT1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.0	6.0	6.0	6.0	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
39	1820253662	Huỳnh	Thị Kim	Vương	18/07/1994	K18KKT1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK
40	1820335901	Nguyễn	Thị Ngọc	Vy	20/02/1994	K18KKT1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
41	1820256445	Nguyễn	Thị Hoài	Xuyên	03/11/1994	K18KKT1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.0	7.0	6.0	6.2	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
1	1820255389	Trần	Thị Kim	An	01/09/1994	K18KKT2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
2	1820254330	Trần	Thị Vân	Anh	19/03/1994	K18KKT2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	K
3	1820255379	Dương	Nữ Băng	Châu	11/04/1994	K18KKT2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	5.0	6.5	6.5	TBK
4	1820253660	Nguyễn	Thị Ngọc	Chính	16/03/1994	K18KKT2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	5.0	5.0	5.6	5.9	TB
5	1821256076	Nguyễn	Thành	Duy	15/10/1994	K18KKT2	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
6	1820253679	Nguyễn	Thị	Hằng	02/07/1994	K18KKT2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
7	1820233635	Phạm	Thị Thu	Hiền	11/12/1994	K18KKT2	6.0	6.0	5.0	5.5	6.0	5.0	6.0	5.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.0	TBK
8	1821615637	Nguyễn	Đoan	Hùng	14/10/1994	K18KKT2	8.0	7.0	6.0	6.8	6.0	7.0	5.0	5.7	8.0	7.0	5.0	6.3	6.3	TBK
9	1820255366	Nguyễn	Thị Diễm	Hương	01/01/1994	K18KKT2	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
10	1821255356	Đỗ	Tiến	Khuê	07/06/1994	K18KKT2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	8.0	5.0	6.5	6.7	TBK
11	1820255714	Võ	Thị	Lời	10/06/1994	K18KKT2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	6.3	TBK
12	1820254905	Dương	Thị Hồng	Nga	19/07/1992	K18KKT2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	8.0	6.0	7.0	6.8	TBK
13	1820255720	Phạm	Thị Hồng	Nhung	12/12/1994	K18KKT2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K

14	1820254915	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	24/12/1994	K18KKT2	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	5.0	6.5	6.5	TBK
15	1820256075	Đình Thị Ánh Ngọc	06/12/1994	K18KKT2	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
16	1821253667	Nguyễn Ích Nguyễn	15/03/1994	K18KKT2	8.0	8.0	5.0	6.5	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.4	TBK
17	1820253899	Bùi Thị Bích Nhung	21/02/1994	K18KKT2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
18	1821254327	Nguyễn Tấn Nhựt	09/01/1994	K18KKT2	8.0	6.0	7.0	7.1	5.0	5.0	5.0	5.0	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
19	1820255360	Nguyễn Thị Kim Oanh	30/04/1994	K18KKT2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	K
20	1820255881	Trần Thị Diễm Phúc	26/08/1994	K18KKT2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
21	1820255372	Trần Thị Cúc Phương	22/05/1993	K18KKT2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
22	1820256323	Hoàng Thị Thanh Phương	26/08/1993	K18KKT2	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
23	1821254916	Trần Đăng Quang	10/12/1994	K18KKT2	8.0	6.0	6.0	6.6	6.0	5.0	5.0	5.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.1	TBK
24	1820256444	Trần Thị Thanh Tâm	03/04/1994	K18KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK
25	1820254328	Hồ Thị Kim Tuyền	29/10/1994	K18KKT2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.7	K
26	1820254910	Trần Thị Phương Thảo	20/07/1994	K18KKT2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
27	1820255711	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	20/12/1994	K18KKT2	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
28	1820254908	Lê Thị Thúy	22/07/1994	K18KKT2	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK
29	1820254347	Phạm Thị Thương	08/06/1994	K18KKT2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
30	1820256072	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/09/1993	K18KKT2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K
31	1820255716	Huỳnh Thị Thùy Trâm	10/09/1994	K18KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	6.0	7.0	6.6	TBK
32	1820255370	Dương Thị Tuyết Trinh	27/08/1994	K18KKT2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
33	1820256328	Cà Thị Thanh Vân	10/04/1994	K18KKT2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK
34	1821253661	Cao Thanh Vinh	04/10/1994	K18KKT2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	5.0	6.5	6.8	TBK
35	1820255371	Lê Thị Thu Vương	01/04/1994	K18KKT2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK
36	1820253895	Tôn Nữ Khánh Vy	17/06/1994	K18KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	8.0	6.0	6.7	6.3	TBK
1	1820254318	Trương Thị Trâm Anh	23/10/1994	K18KKT3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K
2	1820254924	Nguyễn Thị Minh Châu	14/05/1994	K18KKT3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	K
3	1820254913	Nguyễn Thị Dung	18/05/1994	K18KKT3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K
4	1820253670	Nguyễn Vũ Kiều Duyên	23/07/1994	K18KKT3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	K
5	1821253893	Trần Quang Đạt	02/01/1994	K18KKT3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	K
6	1821254336	Lê Hùng Đô	02/04/1994	K18KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.0	5.0	6.0	6.7	TBK
7	1820255364	Nguyễn Thị Hà	16/06/1994	K18KKT3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
8	1821254340	Dương Văn Hiếu	20/02/1994	K18KKT3	6.0	7.0	7.0	6.7	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
9	1820214845	Đỗ Thị Hồng	10/04/1994	K18KKT3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
10	1821255374	Trần Kim Hùng	19/02/1994	K18KKT3	6.0	6.0	5.0	5.5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK
11	1821254322	Lê Phát Huy	18/10/1992	K18KKT3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	K
12	1820253665	Nguyễn Thị Mỹ Liên	26/10/1994	K18KKT3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K

13	1821254320	Đoàn	Đại	Luyn	01/05/1993	K18KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
14	1820254907	Nguyễn	Thị	Lý	08/07/1994	K18KKT3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
15	1821253664	Đặng	Hồng	Minh	10/01/1994	K18KKT3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	8.0	8.0	7.5	K
16	1820253657	Lê	Thị Tuyết	Ngân	09/10/1994	K18KKT3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
17	1820253671	Hoàng	Phuong	Ngọc	21/10/1994	K18KKT3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K
18	1820254331	Võ	Thị Yên	Ngọc	09/03/1994	K18KKT3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	G
19	1821254914	Nguyễn	Thành	Nhân	29/03/1993	K18KKT3	8.0	6.0	5.0	6.1	5.0	6.0	8.0	6.7	6.0	7.0	7.0	6.7	6.5	TBK
20	1820255381	Mai	Thị Mỹ	Nhung	24/03/1994	K18KKT3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
21	1821255358	Hoàng	Công	Phước	22/12/1994	K18KKT3	6.0	6.0	8.0	7.0	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
22	1820254906	Phan	Thị Mai	Phương	15/12/1994	K18KKT3	6.0	7.0	6.0	6.2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.1	K
23	1820253655	Nguyễn	Thị Như	Quỳnh	04/10/1993	K18KKT3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K
24	1821255712	Lưu	Phạm Công	Tĩnh	25/05/1994	K18KKT3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
25	1821254329	Đặng	Minh	Tuấn	27/06/1993	K18KKT3	6.0	7.0	5.0	5.7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK
26	1820255373	Trần	Thị Thanh	Tuyền	20/10/1994	K18KKT3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
27	1820254332	Trần	Thị Thu	Thảo	02/04/1994	K18KKT3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	8.0	7.6	7.4	K
28	1820256330	Trần	Thị Diệu	Thu	20/04/1994	K18KKT3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
29	1820256584	Hoàng	Thị Thu	Thúy	02/07/1993	K18KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK
30	1820255363	Lê	Thị	Thúy	20/04/1994	K18KKT3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK
31	1820255885	Võ	Thị Ngọc	Thương	02/03/1993	K18KKT3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K
32	1820244294	Nguyễn	Thị Ngọc	Trang	07/03/1994	K18KKT3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
33	1820256326	Nguyễn	Thị Thùy	Trang	19/09/1994	K18KKT3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	8.0	6.0	6.7	6.8	TBK
34	1820254339	Nguyễn	Thị Bích	Trâm	10/11/1994	K18KKT3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.1	K
35	1820255367	Nguyễn	Thị Thu	Trinh	17/06/1994	K18KKT3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
36	1820254343	Nguyễn	Thị Tường	Vi	17/09/1994	K18KKT3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
37	1820255368	Nguyễn	Thị	Vũ	06/09/1994	K18KKT3	6.0	6.0	7.0	6.5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	7.0	6.9	6.8	TBK
38	1821255887	Lê	Quốc	Vương	12/10/1993	K18KKT3	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
39	1820255715	Thái	Thị Minh	Xuân	01/06/1994	K18KKT3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
1	1820266235	Nguyễn	Thị Vũ	An	12/02/1994	K18KDN1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
2	1820264942	Trần	Nữ Mai	Anh	09/10/1994	K18KDN1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K
3	1820266085	Nguyễn	Trần Quỳnh	Anh	28/08/1994	K18KDN1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K
4	1820264946	Nguyễn	Thị Kim	Chi	16/04/1994	K18KDN1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	5.0	6.5	7.1	K
5	1820266522	Nguyễn	Thị Thu	Diệu	12/12/1994	K18KDN1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	6.7	TBK
6	1820266332	Hồ	Thị Bình	Dương	24/08/1993	K18KDN1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	6.0	6.7	6.9	TBK
7	1820264928	Mạc	Tường Huyền	Giang	15/08/1994	K18KDN1	5.0	7.0	6.0	5.9	5.0	6.0	5.0	5.2	8.0	8.0	6.0	7.0	6.0	TBK
8	1820266234	Võ	Thị	Hằng	20/07/1994	K18KDN1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K

9	1821264934	Ngô Văn	Hậu	02/11/1994	K18KDN1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K
10	1821265394	Phạm Ngọc	Hoàng	14/01/1994	K18KDN1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
11	1821264937	Đỗ Văn	Huy	12/04/1992	K18KDN1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
12	1820266452	Võ Thị Diệu	Huyền	15/08/1994	K18KDN1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
13	1820264929	Nguyễn Thị Diệu	Linh	24/06/1994	K18KDN1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K
14	1820264368	Phan Thị Mỹ	Loan	15/09/1993	K18KDN1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	5.0	6.5	6.6	TBK
15	1820264938	Phạm Thị Mai	Ly	11/10/1994	K18KDN1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
16	1820264374	Chang Ngọc	Mai	05/11/1994	K18KDN1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	5.0	6.5	6.9	TBK
17	1821264372	Hoàng Kim	Mạnh	20/01/1992	K18KDN1	6.0	6.0	5.0	5.5	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	TBK
18	1820263695	Trần Thị	Nga	14/10/1994	K18KDN1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
19	1820263694	Lai Bảo	Ngọc	02/04/1994	K18KDN1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K
20	1820265395	Đoàn Thị Tú	Nguyễn	13/02/1993	K18KDN1	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	5.0	6.5	6.5	TBK
21	1820266716	Phan Thị Thảo	Nguyễn	01/07/1994	K18KDN1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	6.3	TBK
22	1820264377	Trương Hải	Nhi	16/11/1994	K18KDN1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK
23	1820264365	Hoàng Thị Hồng	Nhung	22/12/1994	K18KDN1	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K
24	1820264370	Nguyễn Thị Thanh	Phương	16/04/1994	K18KDN1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
25	1820265725	Đoàn Thị Hoài	Phương	30/04/1994	K18KDN1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.6	K
26	1820264936	Lê Thị Tịnh	Quyên	05/09/1994	K18KDN1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
27	1820266455	Nguyễn Thị Tùng	Quyên	03/03/1994	K18KDN1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	5.0	6.5	6.2	TBK
28	1820266087	Nguyễn Thị Yến	San	16/10/1994	K18KDN1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
29	1820264376	Trần Thị Thu	Tinh	15/05/1994	K18KDN1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
30	1820266453	Phan Nguyễn Ngọc	Tú	03/11/1994	K18KDN1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	8.0	6.0	6.7	6.5	TBK
31	1820264375	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08/06/1994	K18KDN1	6.0	6.0	7.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	6.8	TBK
32	1820265730	Hồ Thị	Thắm	22/06/1994	K18KDN1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K
33	1820265398	Võ Thị	Thùy	20/12/1994	K18KDN1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
34	1820266521	Nguyễn Thị Ngọc	Thùy	02/02/1994	K18KDN1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	8.0	6.0	7.0	6.7	TBK
35	1820263904	Đoàn Đoàn	Trang	20/08/1991	K18KDN1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
36	1820264939	Hoàng Thị Hà	Trang	01/06/1994	K18KDN1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	7.1	K
37	1820263697	Nguyễn Hồ Xuân	Trinh	26/05/1994	K18KDN1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
38	1820264373	Vũ Thị Quỳnh	Uyên	22/11/1993	K18KDN1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
39	1820264944	Trần Thị Hà	Vy	08/09/1994	K18KDN1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
40	1820264366	Phạm Lê Hải	Yên	16/07/1994	K18KDN1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	8.0	6.0	7.0	6.4	TBK
41	1821255392	Nguyễn Thị	Yên	20/10/1994	K18KDN1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	K
1	1820264931	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	02/09/1993	K18KDN2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K
2	1820264941	Phan Thị Ngọc	Ánh	01/01/1993	K18KDN2	6.0	6.0	7.0	6.5	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK

3	1820266333	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	26/11/1994	K18KDN2	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK
4	1820265733	Lê Thị Hương	Giang	20/12/1994	K18KDN2	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
5	1820264935	Trần Thị Phương	Hạnh	19/10/1994	K18KDN2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	8.0	8.0	8.0	7.1	K
6	1820264940	Huỳnh Thị Thanh	Hằng	10/01/1994	K18KDN2	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	8.0	8.0	7.4	K
7	1820265393	Nguyễn Thị Thu	Huệ	01/11/1994	K18KDN2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
8	1820266088	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	22/04/1993	K18KDN2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.8	K
9	1820264948	Lê Thùy	Linh	24/10/1994	K18KDN2	6.0	7.0	8.0	7.2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
10	1820265734	Lương Thị Phương	Loan	29/10/1994	K18KDN2	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K
11	1821265728	Đoàn Ngọc Quỳnh	Long	05/12/1994	K18KDN2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
12	1820264930	Phan Thị Thảo	Ly	27/05/1994	K18KDN2	6.0	6.0	8.0	7.0	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
13	1820266089	Hoàng Thị	Mai	26/03/1994	K18KDN2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
14	1820264380	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	16/10/1994	K18KDN2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	K
15	1820266083	Tạ Thị	Ngọc	30/04/1994	K18KDN2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	8.0	8.0	8.0	7.6	K
16	1820264369	Nguyễn Thy Yên	Nhi	04/06/1994	K18KDN2	6.0	6.0	7.0	6.5	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.6	TBK
17	1820265732	Nguyễn Thị	Nhung	06/02/1993	K18KDN2	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K
18	1820264371	Tôn Nữ Thùy	Phương	03/10/1994	K18KDN2	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	6.0	6.6						KĐĐK
19	1820264378	Nguyễn Thị Trúc	Phương	02/09/1994	K18KDN2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	8.0	6.0	7.0	6.7	TBK
20	1820263906	Phạm Thị Kim	Quyên	22/04/1994	K18KDN2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK
21	1820266450	Nguyễn Thị Kim	Quyên	10/04/1994	K18KDN2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K
22	1820266232	Nguyễn Trà Thanh	Tâm	11/06/1994	K18KDN2	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
23	1820264932	Nguyễn Thị	Tương	04/10/1994	K18KDN2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K
24	1820266233	Ngô Thị Phương	Thảo	01/02/1993	K18KDN2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
25	1821266335	Trần Văn	Thân	10/07/1993	K18KDN2					7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8		KĐĐK
26	1820214217	Phan Thị	Thủy	13/09/1993	K18KDN2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
27	1820263693	Đỗ Phương	Thủy	08/03/1994	K18KDN2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
28	1820265726	Cao Thị Hồng	Thư	04/09/1994	K18KDN2	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K
29	1820263905	Đoàn Thu	Trang	08/12/1994	K18KDN2	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	7.3	K
30	1820266454	Ngô Thị Mai	Trang	06/10/1994	K18KDN2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K
31	1820263696	Đặng Thị Hạ	Trâm	07/06/1994	K18KDN2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K
32	1820266585	Lữ Thị	Trình	11/04/1994	K18KDN2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K
33	1821264379	Trương Quốc	Trung	10/12/1994	K18KDN2	8.0	6.0	7.0	7.1	5.0	6.0	5.0	5.2	8.0	8.0	6.0	7.0	6.4	TBK
34	1820263698	Ngô Nữ Hoàng	Uyên	12/02/1993	K18KDN2	8.0	7.0	7.0	7.3					8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK
35	1821266548	Nguyễn Quốc	Vinh	22/01/1994	K18KDN2	8.0	7.0	7.0	7.3	6.0	6.0	5.0	5.5	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
36	1820266090	Trần Thị Thu	Vui	06/09/1994	K18KDN2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	7.4	K

37	1820265729	Trương	Huỳnh Thùy	Vy	25/05/1994	K18KDN2	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.3	K
38	1820264943	Nguyễn	Thị Hải	Yên	23/08/1993	K18KDN2	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K
1	1820246065	Vũ	Bùi Thanh	An	08/12/1994	K18QNH1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	5.0	6.2	6.2	TBK
2	1821244286	Ngô	Hữu Khánh	An	25/03/1994	K18QNH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.0	TBK
3	1820243887	Tạ	Thị Ngọc	Ánh	25/04/1994	K18QNH1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.0	TBK
4	1820246066	Trần	Thị Ngọc	Bích	26/07/1994	K18QNH1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	K
5	1821244296	Bùi	Vân	Bôn	24/02/1994	K18QNH1	6.0	5.0	5.0	5.3	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	7.0	6.0	6.2	5.8	TB
6	1820245351	Bùi	Phạm Hoàng	Dung	26/08/1994	K18QNH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.0	TBK
7	1820245347	Đinh	Thị Mỹ	Duyên	28/09/1994	K18QNH1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	6.9	TBK
8	1820246629	Nguyễn	Thị Hồng	Duyên	02/02/1994	K18QNH1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	6.0	6.7	6.6	TBK
9	1821245349	Đỗ	Hoàng	Dương	07/07/1994	K18QNH1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	6.0	6.3	6.2	TBK
10	1821245705	Hồ	Thắng	Đại	21/02/1993	K18QNH1	6.0	6.0	6.0	6.0	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	6.4	TBK
11	1820244893	Võ	Thị Hương	Giang	07/11/1994	K18QNH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	8.0	7.5	6.6	TBK
12	1820246690	Hứa	Thị Hồng	Hà	17/12/1994	K18QNH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	9.0	6.0	6.9	6.3	TBK
13	1821244299	Lê	Vân	Hào	26/12/1994	K18QNH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.0	TBK
14	1820243888	Phạm	Thị	Huê	16/05/1994	K18QNH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.1	TBK
15	1820243642	Trương	Thị Thanh	Huệ	20/02/1993	K18QNH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	8.0	5.0	6.2	5.9	TB
16	1821245348	Trần	Duy	Hương	24/03/1994	K18QNH1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.2	TBK
17	1820244292	Võ	Thị Ly	Kha	13/05/1994	K18QNH1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK
18	1820244285	Hà	Nguyễn Bảo	Khanh	11/03/1994	K18QNH1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	6.0	6.7	6.8	TBK
19	1820244291	Võ	Thị	Lịch	10/10/1990	K18QNH1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK
20	1820244297	Nguyễn	Thị Mỹ	Linh	05/08/1994	K18QNH1	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.2	K
21	1820246630	Ngô	Thị Như	Linh	27/09/1994	K18QNH1	6.0	7.0	7.0	6.7	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	8.0	6.0	6.7	6.5	TBK
22	1820246442	Lê	Thị Thanh	Loan	16/06/1993	K18QNH1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	8.0	7.0	7.2	7.3	K
23	1821165254	Hồ	Tiến	Luyện	01/01/1992	K18QNH1	6.0		5.0											KĐĐK
24	1820243641	Quách	Tú	Mẫn	08/08/1994	K18QNH1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.2	6.6	TBK
25	1820244891	Nguyễn	Thị	Mận	17/05/1994	K18QNH1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
26	1821244287	Nguyễn	Đức	Minh	13/07/1993	K18QNH1									7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK
27	1820244894	Trần	Thị	Nữ	07/10/1994	K18QNH1	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.1	K
28	1820243643	Lê	Thị Cẩm	Nhung	27/03/1994	K18QNH1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK
29	1820244290	Trần	Thị Tuyết	Nhung	04/01/1994	K18QNH1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	6.0	6.7	6.1	TBK
30	1820244892	Lê	Ngô Hải	Như	23/09/1994	K18QNH1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK
31	1820246223	Lê	Thị Thúy	Như	10/07/1994	K18QNH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK
32	1820246715	Nguyễn	Thị Thanh	Như	01/01/1994	K18QNH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.0	TBK

33	1821244288	Hồ	Quế	Phương	08/12/1994	K18QNH1	7.0	7.0	5.0	6.0	6.0	8.0	5.0	5.9	7.0	8.0	6.0	6.7	6.2	TBK
34	1821244284	Lê	Anh	Quốc	28/07/1994	K18QNH1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
35	1820244298	Trương	Hạnh	Quyển	18/07/1994	K18QNH1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.5	TBK
36	1820245880	Doãn	Như	Quỳnh	19/05/1994	K18QNH1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	K
37	1821125987	Bùi	Công	Sự	04/07/1994	K18QNH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	6.0	6.3	5.9	TB
38	1821244289	Nguyễn	Tuấn	Tài	16/02/1994	K18QNH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.2	TBK
39	1821244890	Hồ	Lê	Tánh	03/07/1993	K18QNH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	8.0	5.0	6.5	6.3	TBK
40	1821234876	Trần	Vân	Thanh	01/01/1993	K18QNH1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	5.9	TB
41	1820243645	Lê	Nguyễn Thu	Thủy	09/10/1994	K18QNH1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	8.0	5.0	6.2	6.2	TBK
42	1820244293	Nguyễn	Thị Thanh	Thủy	06/08/1994	K18QNH1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	7.0	6.0	6.8	6.1	TBK
43	1820246222	Phan	Thị Đài	Trang	03/09/1994	K18QNH1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
44	1820244295	Nguyễn	Thị Tuyết	Trình	10/05/1994	K18QNH1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK
45	1820246064	Đặng	Thị Kiều	Trình	18/05/1994	K18QNH1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
46	1820243644	Nguyễn	Diệu	Trúc	17/07/1994	K18QNH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	8.0	6.0	6.7	6.0	TBK
47	1821246063	Lê	Tuấn	Vũ	18/01/1994	K18QNH1					7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5		KĐĐK
48	1821214230	Nguyễn	Quốc	Vương	09/03/1994	K18QNH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	5.0	6.0	5.8	TB
49	1820245346	Lê	Thị Như	Ý	23/09/1994	K18QNH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	6.0	6.7	6.4	TBK
50	1820246319	Vũ	Thị Như	Ý	25/04/1994	K18QNH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	8.0	5.0	6.2	7.0	8.0	7.0	7.2	6.4	TBK
1	1820233636	Nguyễn	Trần Kiều	An	12/09/1994	K18QTC1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	7.0	6.0	6.5	6.6	TBK
2	1820234887	Lê	Ngọc	Anh	20/02/1994	K18QTC1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K
3	1821233633	Trương	Quốc	Cường	30/10/1993	K18QTC1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK
4	1821235338	Nguyễn	Mạnh	Cường	03/03/1994	K18QTC1	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.0	TBK
5	1820234274	Lê	Thị Thu	Duyên	24/10/1994	K18QTC1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK
6	1820236315	Lê	Thị Bích	Đào	01/01/1994	K18QTC1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	7.0	7.2	7.1	K
7	1820234275	Phạm	Thị Cẩm	Giang	19/03/1993	K18QTC1	6.0	7.0	5.0	5.7	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	6.3	TBK
8	1820234885	Lê	Thị Yên	Hà	01/06/1994	K18QTC1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK
9	1821234278	Nguyễn	Như	Hà	10/02/1993	K18QTC1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K
10	1820234879	Huỳnh	Thị Hồng	Hạnh	31/08/1994	K18QTC1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
11	1820234272	Đoàn	Thị Lệ	Hiên	06/12/1994	K18QTC1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	8.0	7.5	6.6	TBK
12	1821234282	Nguyễn	Minh	Hoàng	24/07/1994	K18QTC1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
13	1820236439	Đoàn	Trịnh Thu	Huyền	05/05/1994	K18QTC1	6.0	6.0	6.0	6.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.0	8.0	7.0	6.9	6.5	TBK
14	1820236665	Phùng	Diệu	Huyền	10/01/1993	K18QTC1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	8.0	6.0	6.7	6.2	TBK
15	1821234270	Lê	Vân	Hưng	22/07/1993	K18QTC1	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.1	K
16	1820235878	Phan	Thị Diễm	Lam	23/11/1994	K18QTC1	6.0	7.0	5.0	5.7	6.0	6.0	6.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.2	6.3	TBK
17	1820233640	Đoàn	Thùy	Linh	25/11/1994	K18QTC1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK

18	1820234281	Phan Thùy Linh	03/05/1994	K18QTC1	6.0	6.0	6.0	6.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
19	1820236062	Võ Lê Mỹ Linh	19/05/1994	K18QTC1	6.0	6.0	8.0	7.0	6.0	8.0	7.0	6.9	6.0	7.0	7.0	6.7	6.9	TBK
20	1821233632	Đoàn Thanh Long	27/10/1993	K18QTC1	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.1	K
21	1820233639	Nguyễn Thị Ly	24/07/1994	K18QTC1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK
22	172338230	Trương Thị Mỹ Nga	30/08/1993	K18QTC1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
23	1820234279	Nguyễn Thị Phương Mai	02/11/1994	K18QTC1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
24	1820234877	Võ Thị Như Mai	01/03/1994	K18QTC1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0		5.0		7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK
25	1820234271	Ngô Thị Tuyết Na	01/05/1993	K18QTC1	6.0	6.0	5.0	5.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	7.0	7.2	6.6	TBK
26	1820234276	Trần Thị Ni Na	03/01/1994	K18QTC1	6.0	6.0	6.0	6.0	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	6.4	TBK
27	1820236314	Nguyễn Vy Ni	13/05/1994	K18QTC1	7.0		5.0		7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK
28	1820234881	Nguyễn Thị Ny	08/11/1994	K18QTC1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	8.0	5.0	6.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK
29	1820234277	Trần Thị Bích Ngọc	28/10/1994	K18QTC1	6.0	7.0	7.0	6.7	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK
30	1820235703	Nguyễn Bích Ngọc	08/06/1994	K18QTC1	6.0	7.0	6.0	6.2	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	K
31	1821244301	Đỗ Văn Nhất	05/02/1994	K18QTC1	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.8	TBK
32	1820234273	Huỳnh Thị Yên Nhi	01/07/1993	K18QTC1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	8.0	7.5	6.6	TBK
33	1820234875	Nguyễn Thị Thu Nhi	30/12/1994	K18QTC1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.1	K
34	1820236666	Đặng Trần Anh Như	13/07/1993	K18QTC1	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.1	TBK
35	1820234874	Phan Mỹ Phương	19/05/1994	K18QTC1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.2	K
36	1820236440	Lê Thị Minh Phượng	08/12/1994	K18QTC1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	9.0	5.0	6.4	7.0	8.0	6.0	6.7	6.6	TBK
37	1821234280	Nguyễn Tấn Sỹ	13/04/1994	K18QTC1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.2	6.4	TBK
38	1820234884	Nguyễn Thị Băng Tâm	13/10/1993	K18QTC1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.2	TBK
39	1820235340	Nguyễn Lê Thị Thanh Tâm	14/09/1994	K18QTC1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK
40	1820235342	Lê Phạm Anh Tâm	15/03/1994	K18QTC1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.1	K
41	1820234873	Lê Thị Ánh Tuyết	12/12/1994	K18QTC1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
42	1821234883	Nguyễn Xa Hiền Tường	12/06/1992	K18QTC1	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK
43	1821235344	Đặng Văn Thái	26/07/1994	K18QTC1	6.0	7.0	7.0	6.7	6.0	8.0	6.0	6.4	7.0	7.0	8.0	7.5	6.9	TBK
44	1820236438	Văn Thị Thảo	14/12/1994	K18QTC1	7.0		7.0		7.0	8.0	5.0	6.2	7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK
45	1821236313	Nguyễn Đại Thắng	04/03/1993	K18QTC1	6.0	6.0	5.0	5.5	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	8.0	6.0	6.7	6.3	TBK
46	1820234269	Trần Thị Ngọc Thủy	09/11/1994	K18QTC1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
47	1820235343	Nguyễn Thị Thanh Thúy	15/10/1994	K18QTC1	6.0	6.0	5.0	5.5	7.0	5.0	7.0	6.6						KĐĐK
48	1821233631	Từ Văn Thức	18/09/1993	K18QTC1	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.3	K
49	1820233638	Nguyễn Thị Thùy Trang	12/11/1994	K18QTC1	6.0	6.0	5.0	5.5	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.2	TBK
50	1820234882	Nguyễn Thị Bảo Trang	06/12/1994	K18QTC1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.9	TBK
51	172528666	Lưu Thị Huyền Trang	20/11/1993	K18QTC1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	5.0	6.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
52	1820234283	Trần Thị Ngọc Trâm	01/01/1993	K18QTC1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.2	6.5	TBK

53	1821235877	Lê	Tuyền	Trịnh	03/07/1994	K18QTC1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
54	1820236311	Nguyễn	Thanh	Trúc	01/09/1994	K18QTC1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
55	1820235876	Nguyễn	Ngọc	Uyên	12/07/1994	K18QTC1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
56	1820235341	Ngô	Thị Hồng	Vân	11/05/1994	K18QTC1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
57	1821234888	Phạm	Ngọc	Việt	08/06/1994	K18QTC1	6.0		5.0		7.0	6.0	5.0	5.8	6.0	8.0	7.0	6.9		KĐĐK
58	1821265727	Võ	Nguyễn	Vũ	24/02/1994	K18QTC1	6.0	6.0	5.0	5.5	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.1	TBK
59	1820233630	Nguyễn	Cửu Thảo	Vy	10/01/1994	K18QTC1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	K
60	1820236316	Ngô	Thị	Xuân	12/04/1994	K18QTC1	6.0	7.0	5.0	5.7	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.2	TBK
61	1821236312	Lương	Hoàng	Xuân	28/01/1993	K18QTC1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
62	1820234880	Đặng	Thị Hoàng	Yến	15/09/1994	K18QTC1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK
1	1820215869	Bùi	Thị Kim	Anh	09/09/1994	K18QTH1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK
2	1820216307	Võ	Thị	Anh	25/05/1994	K18QTH1	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	6.0	6.7	6.7	TBK
3	1821214240	Nguyễn	Hoàng Gia	Anh	29/06/1994	K18QTH1	7.0		6.0		6.0		7.0		7.0		7.0			KĐĐK
4	1821214855	Phan	Thanh	Bảo	10/04/1994	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK
5	1821214850	Bùi	Quang	Chung	21/01/1994	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	5.0	6.0	5.8	TB
6	1820214222	Trà	Thị	Dung	06/07/1994	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	8.0	7.0	7.2	6.9	TBK
7	1820216434	Huỳnh	Thị Kiều	Dung	07/06/1993	K18QTH1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	7.0	7.2	7.1	K
8	1820214844	Đặng	Thị Thùy	Dương	01/06/1994	K18QTH1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
9	1821215312	Lê	Đình	Đạt	27/03/1994	K18QTH1	7.0		5.0		7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.0	5.0	6.0		KĐĐK
10	1821214212	Đặng	Vân	Đông	09/02/1994	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
11	1820216053	Nguyễn	Thị	Giang	08/02/1994	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.2	TBK
12	1820214231	Trần	Thị Cẩm	Hải	24/05/1993	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK
13	1821214849	Hồ	Quốc	Hiếu	02/03/1992	K18QTH1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
14	1820215320	Nguyễn	Thị Thanh	Hoa	03/08/1994	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
15	1821215319	Hồ		Huy	28/01/1994	K18QTH1	6.0		5.0		7.0		6.0		7.0		6.0			KĐĐK
16	1820214842	Nguyễn	Thị	Hương	19/06/1994	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
17	1821216516	Nguyễn	Quốc Tuấn	Kiệt	13/04/1993	K18QTH1	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
18	1821214232	Trịnh	Vũ	Lân	07/12/1994	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
19	1820215318	Hoàng	Thị	Lộc	06/02/1994	K18QTH1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK
20	1821213874	Phan	Minh	Minh	31/12/1994	K18QTH1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
21	1820216627	Trần	Thị Nguyệt	Ngân	02/04/1994	K18QTH1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
22	1821213614	Nguyễn	Lập	Nghiệp	12/01/1994	K18QTH1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.6	TBK
23	1820215693	Nguyễn	Thị	Nhài	03/04/1994	K18QTH1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	K
24	1820215306	Nguyễn	Hoài Ý	Nhi	26/04/1994	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8					7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK
25	1820216515	Lưu	Thị Yến	Nhi	10/07/1994	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.1	TBK

26	1820216055	Nguyễn	Thị Ý	Như	26/08/1994	K18QTH1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK
27	1821216051	Lê	Vân	Phong	23/11/1994	K18QTH1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.2	TBK
28	1821216049	Lê	Tấn	Phúc	12/06/1994	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK
29	1820214238	Nguyễn	Hoài	Phương	09/11/1994	K18QTH1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK
30	1821214220	Nguyễn	Trọng	Quý	08/11/1993	K18QTH1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK
31	1820214219	Lê	Nữ Lê	Quyên	26/01/1994	K18QTH1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	6.0	6.5	6.7	TBK
32	1821216581	Nguyễn	Hữu	Song	20/12/1994	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
33	1820214225	Nguyễn	Đỗ Thảo	Tâm	12/10/1994	K18QTH1	6.0	6.0	5.0	5.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
34	1821213615	Trần	Ngọc	Tân	05/10/1994	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.1	TBK
35	1821214221	Phan	Hữu	Tiến	02/09/1994	K18QTH1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK
36	1821214847	Trần	Thế	Tôn	12/01/1994	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
37	1821216058	Đỗ	Phương	Tuấn	02/12/1993	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.0	TBK
38	1821214216	Nguyễn	Đình	Tuấn	15/08/1994	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0				KĐĐK
39	1821214239	Nguyễn	Chí	Thành	01/01/1994	K18QTH1	7.0	5.0	3.0		7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK
40	1820215305	Vân	Thị Thanh	Thảo	25/11/1994	K18QTH1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	8.0	7.0	6.9	6.6	TBK
41	1821215871	Hoàng	Đình	Thắng	23/12/1993	K18QTH1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
42	1820215304	Bùi	Thị	Thủy	11/09/1994	K18QTH1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
43	1821214228	Trần	Anh	Thư	14/07/1994	K18QTH1	7.0	5.0	5.0	5.6					7.0	7.0	6.0	6.5		KĐĐK
44	1820215314	Nguyễn	Thị Huyền	Trang	03/09/1994	K18QTH1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.0	6.3	6.7	TBK
45	1820215695	Hồ	Thị Linh	Tri	07/05/1994	K18QTH1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	6.0	6.5	6.7	TBK
46	1821214234	Nguyễn	Đình Cao	Trọng	12/11/1994	K18QTH1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	8.0	7.5	6.4	TBK
47	1821213877	Phạm	Duy	Trung	18/12/1994	K18QTH1	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	6.0	6.0	6.3	6.1	TBK
48	1820214242	Cai	Thái Hoàng	Uyên	07/09/1994	K18QTH1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	8.0	6.0	6.7	6.9	TBK
49	1821213876	Nguyễn	Vân	Vũ	10/05/1993	K18QTH1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.4	TBK
1	1820215315	Hồ	Diệu Vy	Anh	25/01/1994	K18QTH2	6.0	6.0	5.0	5.5	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.3	TBK
2	1820216219	Thái	Thị Chiêu	Anh	27/05/1994	K18QTH2	6.0	6.0	5.0	5.5	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.2	TBK
3	1821215694	Chúc	Vân	Ba	26/11/1993	K18QTH2	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK
4	1821214851	Nguyễn	Đình	Danh	17/05/1993	K18QTH2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
5	1821214854	Nguyễn	Đỗ Phương	Dung	29/10/1993	K18QTH2	6.0	7.0	6.0	6.2	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
6	1821216580	Võ	Văn Minh	Đức	01/09/1993	K18QTH2	6.0	7.0	7.0	6.7					7.0	8.0	7.0	7.2		KĐĐK
7	1821214848	Nguyễn	Thanh	Giang	14/10/1993	K18QTH2	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	6.0	6.5	5.9	TB
8	1821216048	Hoàng	Đức	Giáp	20/04/1994	K18QTH2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
9	1820214846	Nguyễn	Thị Thủy	Hằng	04/01/1994	K18QTH2	6.0	7.0	7.0	6.7	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
10	1821215868	Trần	Xuân	Hiếu	15/02/1994	K18QTH2	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.0	TBK
11	1821216052	Trần	Vũ	Hoàn	22/09/1993	K18QTH2	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	8.0	6.0	6.7	6.2	TBK

12	1821216217	Đặng	Quốc	Huy	24/04/1994	K18QTH2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K
13	1821214233	Mai	Anh Tuấn	Kiệt	29/05/1994	K18QTH2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK
14	1821215316	Phan	Nguyên	Khang	07/05/1993	K18QTH2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0					KĐĐK
15	1821215307	Trần	Duy	Khánh	21/04/1993	K18QTH2	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.0		TBK
16	1820144971	Hoàng	Thị Thu	Lành	12/11/1994	K18QTH2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	6.0	6.5	6.2		TBK
17	1820215870	Lê	Thị Kim	Lên	09/06/1994	K18QTH2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.2	TBK
18	1820215872	Võ	Thị Hồng	Loan	20/01/1994	K18QTH2	6.0	6.0	7.0	6.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
19	1821214226	Phạm	Hoàng	Mãnh	16/04/1994	K18QTH2	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	8.0	5.0	6.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
20	1820216054	Ngô	Thị Thúy	Nga	03/10/1993	K18QTH2	6.0	7.0	5.0	5.7	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	TBK
21	1821214241	Nguyễn	Ngọc Quốc	Nhật	10/05/1994	K18QTH2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.1	TBK
22	1820213875	Trần	Thị	Nhi	16/12/1994	K18QTH2	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8		TBK
23	1820215325	Nguyễn	Thị Ái	Nhi	26/06/1994	K18QTH2	6.0	5.0	7.0	6.3					7.0	7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK
24	1821215310	Trần		Nhuộng	29/05/1992	K18QTH2	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0		K
25	1820224264	Hồ	Thanh Kiều	Oanh	16/04/1994	K18QTH2	6.0	6.0	5.0	5.5	6.0	5.0	6.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.1	TBK
26	1820216435	Trần	Thị	Phúc	21/09/1993	K18QTH2	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	5.0	6.0	6.4		TBK
27	172336861	Trần	Văn	Phước	10/05/1993	K18QTH2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.6		TBK
28	1821216308	Nguyễn	Duy	Phương	16/08/1993	K18QTH2	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
29	1821214215	Trương	Công	Quý	12/01/1994	K18QTH2	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
30	1820215313	Trương	Thị Như	Quyển	11/11/1993	K18QTH2	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
31	1821213613	Huỳnh	Văn	Tân	21/03/1994	K18QTH2	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
32	1821216309	Trần	Viết	Toàn	05/09/1994	K18QTH2	7.0		6.0		7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK
33	1821214843	Lê	Ngọc	Thạch	16/10/1994	K18QTH2	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK
34	1820214214	Trần	Thị Phương	Thảo	01/07/1994	K18QTH2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	8.0	7.5	6.6		TBK
35	1821214224	Nguyễn	Hữu	Thịnh	18/08/1994	K18QTH2	6.0	6.0	5.0	5.5	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.1	TBK
36	1820215309	Nguyễn	Thị Xuân	Thy	07/11/1994	K18QTH2	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
37	1820213616	Trần	Thị Thúy	Trang	25/11/1994	K18QTH2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK
38	1820216626	Mai	Thị Kiều	Trang	14/10/1994	K18QTH2	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
39	1820215692	Lê	Thị Ngọc	Trâm	21/12/1993	K18QTH2	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
40	1821215322	Đỗ	Huỳnh	Trí	05/02/1993	K18QTH2	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	8.0	7.5	6.6		TBK
41	1820214223	Hà	Thị Tuyết	Trinh	20/04/1994	K18QTH2	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0	5.0	5.8	6.0	8.0	7.0	6.9	6.2		TBK
42	172336879	Nguyễn	Văn Phước	Tường	01/01/1993	K18QTH2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	8.0	7.5	6.8		TBK
43	1820214853	Mai	Thị Xuân	Vi	22/08/1993	K18QTH2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
44	1820215317	Ngô	Thị Minh	Xuân	02/04/1994	K18QTH2	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK
1	1820226437	Nguyễn	Thị Minh	Anh	13/05/1994	K18QTM1	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.1		TBK
2	1821226518	Lê	Thu Vân	Anh	15/05/1993	K18QTM1	6.0	5.0	8.0	6.8	6.0	7.0	6.0	6.2	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5		TBK

3	1820225333	Võ Kim Châu	27/03/1991	K18QTM1										6.0	8.0	5.0	5.9		KĐĐK
4	1820226310	Phạm Thị Ngọc Diệp	19/04/1993	K18QTM1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.3	TBK	
5	1820225701	Trần Thị Thùy Dung	19/06/1993	K18QTM1	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	5.0	6.0	5.8	TB	
6	1820226221	Nguyễn Thị Thùy Dung	30/08/1993	K18QTM1	6.0	6.0												KĐĐK	
7	1820224265	Nguyễn Thị Thu Huyền	28/08/1994	K18QTM1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK	
8	1821225334	Nguyễn Văn Lâm	10/02/1994	K18QTM1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK	
9	1820225702	Nguyễn Thị Hà Linh	24/01/1994	K18QTM1	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	7.0	6.0	6.5	6.2	TBK	
10	1820225874	Phạm Thị Hồng Linh	27/10/1994	K18QTM1	6.0	5.0	2.0		7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5		KĐĐK	
11	1821224268	Trần Công Minh	24/03/1993	K18QTM1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
12	1820225700	Nguyễn Thị My	12/05/1993	K18QTM1	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.1	K	
13	1820226519	Lê Thị Họa My	06/05/1994	K18QTM1	6.0	5.0	6.0	5.8	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	5.0	6.0	6.0	TBK	
14	1820266231	Đoàn Thị Ni Ni	25/08/1994	K18QTM1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	5.0	6.2	6.4	TBK	
15	1820223629	Lê Thị Nga	01/05/1994	K18QTM1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK	
16	1820224870	Nguyễn Thị Kiều Ngân	10/02/1993	K18QTM1	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K	
17	1821224267	Trần Quốc Toàn	20/11/1994	K18QTM1	6.0	7.0	6.0	6.2	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.7	TBK	
18	1820226582	Nguyễn Thiên Thạch Thảo	04/07/1994	K18QTM1	6.0	5.0	6.0	5.8	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.2	TBK	
19	1821224266	Đặng Hưng Thịnh	01/01/1993	K18QTM1	5.0	5.0	5.0	5.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.1	TBK	
20	1821224263	Nguyễn Văn Thoại	26/02/1991	K18QTM1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.2	TBK	
21	1820225336	Nguyễn Thị Bích Thảo	12/04/1994	K18QTM1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK	
22	1821635264	Nguyễn Minh Thông	23/04/1993	K18QTM1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0			7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK	
23	1820224262	Nguyễn Thị Hoài Trang	05/09/1994	K18QTM1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	9.0	8.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.3	K	
24	1820224872	Phạm Thị Ái Vy	07/06/1994	K18QTM1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	9.0	8.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.3	K	
1	1821116189	Đinh Quốc Cường	24/10/1994	K18TMT	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK	
2	1821115136	Phạm Ngọc Đức Duy	08/10/1994	K18TMT	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	5.9	TB	
3	1821115133	Hồ Thanh Đông	16/11/1994	K18TMT	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	5.0	5.8	6.0	TBK	
4	1821114701	Lê Duyên Hải	06/04/1993	K18TMT	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	6.0	6.1	TBK	
5	1821113504	Võ Quốc Huy	18/01/1994	K18TMT	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	5.0	6.0	6.1	TBK	
6	1821125155	Hoàng Đại Linh	23/02/1994	K18TMT	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	5.0	6.0	6.1	TBK	
7	1821113973	Lý Diên Mỹ	30/10/1994	K18TMT	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	5.0	6.0	6.2	TBK	
8	1821115821	Nguyễn Tấn Phát	29/10/1994	K18TMT	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	6.0	TBK	
9	1821114700	Nguyễn Hữu Quang	01/10/1994	K18TMT	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK	
10	1821115132	Lê Trọng Quân	08/11/1994	K18TMT	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK	
11	1821116706	Đinh Duy Sơn	03/06/1994	K18TMT	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.3	TBK	
12	1821116280	Hoàng Văn Sỹ	20/09/1993	K18TMT	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	8.0	6.0	6.7	6.8	TBK	
13	1821434165	Lê Văn Tuấn	20/09/1994	K18TMT	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	6.0	6.3	5.8	TB	

14	1821115820	Nguyễn Hữu	Tuất	21/12/1994	K18TMT	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
15	1821113811	Võ Việt	Tùng	04/01/1994	K18TMT	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK	
16	1821116190	Hồ Thế	Thiện	12/12/1994	K18TMT	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	6.0	5.0	5.8	6.3	TBK	
17	1821146636	Trương Hoàng	Thương	04/01/1993	K18TMT	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.3	TBK	
18	1821115135	Phan Phạm Văn	Khôi Vinh	17/08/1994	K18TMT	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	6.0	6.7	6.7	TBK	
19	1821143916	Trần Đình	Vũ	31/10/1994	K18TMT	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.4	TBK	
1	1821123813	Đặng Duy	Bảo	12/05/1994	K18TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK	
2	1821124713	Nguyễn Văn	Bình	03/02/1991	K18TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0		7.0			KĐĐK	
3	1821125634	Dương Thành	Công	25/03/1993	K18TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK	
4	1821123502	Lê Quang	Châu	28/03/1993	K18TPM	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	6.0	6.5	6.3	TBK	
5	1821126282	Lê Văn	Chuẩn	02/01/1993	K18TPM	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.0	TBK	
6	1821124710	Nguyễn Văn Thành	Đạt	09/04/1994	K18TPM	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	5.0	6.0	6.5	TBK	
7	1821123986	Phan Hải	Đặng	27/05/1994	K18TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK	
8	1821125985	Trần Hoàng	Giăng	20/05/1993	K18TPM	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	9.0	8.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.4	K	
9	1821125151	Nguyễn Văn	Hải	30/05/1994	K18TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK	
10	1821125824	Trương Đình Quốc	Hào	11/03/1994	K18TPM	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
11	1821123817	Nguyễn Hoàng Khánh	Hân	24/04/1994	K18TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK	
12	1821124717	Huỳnh Thanh	Hiên	14/07/1994	K18TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	6.0	6.5	6.3	TBK	
13	1821125823	Võ Phi	Hòa	02/08/1994	K18TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK	
14	1821124716	Phan Huy	Hoàng	26/05/1994	K18TPM	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK	
15	1821125144	Nguyễn Văn	Hoàng	26/04/1994	K18TPM	7.0		5.0		7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1		KĐĐK	
16	1821143717	Trương Phi	Hồng	18/07/1994	K18TPM	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.3	TBK	
17	1821123981	Nguyễn Thanh	Hùng	07/08/1993	K18TPM	7.0		5.0		7.0		5.0		7.0	6.0	7.0	6.8		KĐĐK	
18	1821124003	Diệp Thanh	Hùng	01/01/1994	K18TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.4	TBK	
19	1821146239	Võ Quốc	Huy	16/04/1994	K18TPM	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK	
20	1821124714	Đoàn Văn	Kha	01/08/1994	K18TPM	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK	
21	1821125141	Lê Trọng	Khiêm	27/10/1994	K18TPM	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK	
22	1821123982	Hồ Văn	Linh	03/11/1994	K18TPM	6.0	5.0	6.0	5.8	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK	
23	1821125148	Nguyễn Văn	Minh	07/10/1994	K18TPM	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK	
24	1821125150	Võ Hoàng	Nhật	21/05/1993	K18TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK	
25	1821125635	Phan Văn	Như	14/11/1994	K18TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK	
26	1821126194	Nguyễn Thế	Pháp	20/06/1994	K18TPM	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK	
27	1821125988	Trần Hồng	Phúc	11/09/1994	K18TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.0	TBK	
28	1821126281	Hồ Đắc	Quang	12/08/1994	K18TPM	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	6.0	6.5	6.1	TBK	

29	1821125986	Phan	Đặng	Quân	30/09/1993	K18TPM	6.0	6.0	5.0	5.5	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.1	TBK
30	1821123510	Dương	Phú	Quý	26/02/1994	K18TPM	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.1	TBK
31	1820125143	Lê	Thị	Sao	01/08/1994	K18TPM	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	6.0	6.7	6.3	TBK
32	1821123509	Nguyễn	Đình	Tài	16/01/1994	K18TPM	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	5.8	TB
33	1821123984	Trần	Hoàng Minh	Tân	01/01/1992	K18TPM	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.2	TBK
34	1821435853	Lê	Tiến	Tân	05/06/1994	K18TPM	7.0	5.0			7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8		KĐĐK
35	1820146587	Bùi	Thị Thủy	Tiên	30/09/1993	K18TPM	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.1	TBK
36	1821434166	Lê	Trọng	Tin	22/04/1993	K18TPM	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
37	1821126283	Trương	Bách	Toàn	13/06/1994	K18TPM	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK
38	1821125826	Nguyễn	Hải	Tú	18/07/1994	K18TPM	7.0	5.0	5.0	5.6					7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK
39	1821125147	Nguyễn	Nhật	Tuấn	17/10/1994	K18TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
40	1821123980	Nguyễn	Đức	Tùng	08/06/1994	K18TPM	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
41	1821125142	Lê	Văn	Tùng	05/12/1992	K18TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK
42	1821126417	Nguyễn	Ngọc	Thành	01/05/1991	K18TPM	7.0	5.0	5.0	5.6										KĐĐK
43	1821126709	Võ	Văn	Thành	05/05/1994	K18TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
44	1821125140	Trần	Văn	Thiện	24/12/1994	K18TPM	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.2	TBK
45	1821125149	Hồ	Ngọc	Thống	06/02/1994	K18TPM	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
46	1821124715	Lê	Bá	Thuần	27/06/1994	K18TPM	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK
47	1821125145	Đặng	Minh	Trí	22/02/1992	K18TPM	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.6	TBK
48	1821123814	Nguyễn	Tiến	Trung	29/09/1993	K18TPM	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
49	1821123983	Nguyễn	Thê	Viên	02/03/1994	K18TPM	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	K
50	1821126191	Thân	Hoàng Quốc	Việt	03/01/1994	K18TPM	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0		5.0		7.0	7.0	6.0	6.5		KĐĐK
1	1821414770	Nguyễn	Công	An	14/02/1994	K18KTR1	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	6.2	TBK
2	1820414767	Phạm	Trâm	Anh	29/03/1993	K18KTR1	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.6	TBK
3	1820415222	Nguyễn	Thị Kim	Bình	11/04/1994	K18KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	6.0	6.1	6.0	TBK
4	1821416013	Trần	Mạnh	Cường	16/06/1994	K18KTR1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	6.4	TBK
5	1821415214	Nguyễn	Khắc Nhật	Danh	06/11/1994	K18KTR1	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	5.0	6.0	6.1	6.0	TBK
6	1821414103	Võ	Hùng Uy	Dũng	25/04/1994	K18KTR1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK
7	1821416201	Phạm	Đức	Duy	09/07/1993	K18KTR1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.3	TBK
8	1821413534	Từ	Văn	Định	20/09/1994	K18KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK
9	1821415220	Nguyễn	Tây	Đức	22/08/1993	K18KTR1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	6.0	6.1	6.4	TBK
10	1821414754	Nguyễn	Văn	Hào	21/03/1994	K18KTR1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.4	TBK
11	1821415216	Nguyễn	Văn	Hiệp	02/06/1994	K18KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	6.0	6.3	6.4	TBK
12	1821415213	Nguyễn	Thanh	Hoài	11/07/1994	K18KTR1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.2	TBK
13	1821413531	Lâm	Minh	Hoàng	09/01/1994	K18KTR1	6.0	5.0	7.0	6.3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.2	TBK

14	1821414096	Trịnh	Quốc	Hoàng	09/06/1994	K18KTR1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.1	TBK
15	1821414106	Nguyễn	Phước	Hoàng	20/12/1994	K18KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	6.0	6.0	6.3	6.5	TBK
16	1821413545	Lê	Quang	Huy	20/05/1994	K18KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	8.0	7.7	6.8	TBK
17	1821416200	Nguyễn	Quang	Huy	20/07/1994	K18KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.4	TBK
18	1821414104	Trần	Cao Minh	Khánh	20/03/1994	K18KTR1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	6.0	6.3	5.9	TB
19	1821415198	Ngô	Đình	Khánh	03/04/1993	K18KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.3	TBK
20	1821414080	Bùi	Đức Nhất	Linh	23/10/1993	K18KTR1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	6.0	6.1	6.6	TBK
21	1821416620	Trương	Triệu	Long	08/01/1993	K18KTR1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.1	TBK
22	1821415838	Lê	Quang	Lợi	18/07/1990	K18KTR1	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.6	TBK
23	1820414108	Đỗ	Thị Kim	Ngân	15/10/1994	K18KTR1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	K
24	1820416422	Nguyễn	Cửu Thanh	Nhàn	01/06/1993	K18KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	6.0	6.1	6.3	TBK
25	1821413837	Nguyễn	Bình Kim	Phong	04/11/1994	K18KTR1	6.0	5.0	6.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.1	TBK
26	1821413840	Nguyễn	Hữu	Phúc	04/12/1994	K18KTR1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	6.0	8.0	7.3	6.7	TBK
27	1821414099	Lê	Tự	Quang	25/11/1993	K18KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.2	TBK
28	1821415654	Đoàn		Quân	21/01/1993	K18KTR1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.3	TBK
29	1821414752	Nguyễn	Hữu	Quốc	22/02/1994	K18KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.0	TBK
30	1821416014	Phan	Trung	Tân	08/04/1994	K18KTR1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.3	TBK
31	1821424147	Lương	Xuân	Tiền	26/10/1994	K18KTR1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	6.0	6.0	6.3	6.8	TBK
32	1821415218	Phan	Thanh	Tùng	14/10/1993	K18KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.4	TBK
33	1820415210	Huỳnh	Kim Ý	Thảo	02/08/1994	K18KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK
34	1821414079	Huỳnh	Chí	Thắng	07/11/1994	K18KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	6.2	TBK
35	1821415196	Lê	Văn	Triệu	16/08/1994	K18KTR1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.6	TBK
36	1821415658	Nguyễn	Hải	Trọng	26/01/1994	K18KTR1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.0	7.0	6.0	6.2	6.1	TBK
37	1821414769	Nguyễn	Tân	Úc	02/03/1993	K18KTR1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	8.0	6.0	6.7	6.8	TBK
38	1821415206	Trần	Quang Kim	Vinh	17/08/1994	K18KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	6.6	TBK
39	1821415219	Nguyễn	Huy	Vũ	01/05/1994	K18KTR1	6.0		6.0											KĐĐK
40	1821415197	Trần	Đình	Vương	28/04/1994	K18KTR1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	6.0	6.7	6.6	TBK
1	1821415832	Lê	Tuấn	Anh	15/03/1993	K18KTR2	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	1.0	5.0		7.0		5.0			KĐĐK
2	1821414093	Phạm	Khánh	Bảo	01/01/1993	K18KTR2	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	6.0	6.1	6.5	TBK
3	1821416292	Phạm	Thái	Bình	21/09/1994	K18KTR2	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	1.0	7.0		7.0	6.0	6.0	6.3		KĐĐK
4	1821416202	Võ	Đức	Cường	06/01/1993	K18KTR2	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.7	TBK
5	1820414760	Nguyễn	Thị	Diễm	05/03/1994	K18KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
6	1820413843	Lưu	Thị Hạnh	Dung	14/02/1993	K18KTR2	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	6.7	6.7	TBK
7	1821414074	Hà	Ngọc	Đức	02/10/1994	K18KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	5.8	TB
8	1821416012	Nguyễn	Huy	Giáp	22/04/1994	K18KTR2	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.3	TBK

9	1820425247	Võ	Thị	Hào	22/10/1994	K18KTR2	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	6.0	6.1	6.8	TBK	
10	1821414097	Lê	Thanh	Hiếu	29/05/1994	K18KTR2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	G	
11	1821416424	Trần	Cao Khánh	Hòa	04/06/1993	K18KTR2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK
12	1821415215	Trần	Trung	Hoài	10/02/1993	K18KTR2	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	5.0	7.0	6.6	6.6	TBK
13	1821415209	Nguyễn	Vũ Minh	Hoàng	16/02/1994	K18KTR2	6.0	6.0	7.0	6.5	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK
14	1821415837	Lê	Thái	Hoàng	17/01/1993	K18KTR2	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.2	TBK
15	1821414076	Lê	Đình	Huân	23/06/1994	K18KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.1	TBK
16	1820414091	Nguyễn	Thanh	Huyền	12/12/1994	K18KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	6.5	TBK
17	1820414101	Nguyễn	Thị Thanh	Hương	18/07/1993	K18KTR2	6.0	6.0	5.0	5.5	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.0	7.0	6.8	6.3	TBK
18	1821413839	Nguyễn	Trung	Kiên	21/12/1994	K18KTR2	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	5.0	5.6	6.3	TBK
19	1821415834	Nguyễn	Hoàng	Khánh	12/09/1994	K18KTR2	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	5.0	5.6	6.4	TBK
20	1821415223	Hồ	Hữu	Linh	24/01/1993	K18KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	5.0	5.8	6.2	TBK
21	1821414761	Phạm	Hoàng	Mỹ	30/03/1994	K18KTR2	7.0		7.0		7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	5.0	5.0	5.6		KĐĐK
22	1821414078	Nguyễn	Văn	Nga	25/04/1994	K18KTR2	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	5.0	6.0	6.0	6.0	5.0	5.5	5.9	TB
23	1820413539	Nguyễn	Tạ Thảo	Nguyên	12/12/1994	K18KTR2	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	5.0	5.0	5.6	6.6	TBK
24	1821414758	Lý	Thành	Nhân	15/04/1992	K18KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	5.0	5.0	5.6	6.3	TBK
25	1821415211	Dương	Hiên	Phát	30/05/1994	K18KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	5.0	5.6	6.0	TBK
26	1820413542	Trần	Thị Thu	Phương	26/10/1994	K18KTR2	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.2	TBK
27	1821413538	Đoàn	Thái	Quang	30/03/1994	K18KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.4	TBK
28	1821414763	Trần	Ngọc Nhật	Quang	16/12/1994	K18KTR2	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.6	TBK
29	1821414071	Cù	Duy	Sinh	11/03/1994	K18KTR2	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K
30	1821416661	Nguyễn	Minh	Tài	21/03/1993	K18KTR2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.3	TBK
31	1821415200	Đình	Công Minh	Toàn	30/10/1994	K18KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6					7.0	5.0	7.0	6.6		KĐĐK
32	1821413842	Dương	Đình	Tú	20/06/1993	K18KTR2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK
33	1820415221	Lê	Thị Thủy	Tuyên	08/03/1994	K18KTR2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK
34	1821415653	Hoàng	Công	Thanh	23/06/1991	K18KTR2	6.0	5.0	6.0	5.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK
35	1821414774	Đỗ	Từ	Thiện	28/08/1994	K18KTR2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.1	K
36	1821415648	Lưu	Như	Thịnh	10/01/1994	K18KTR2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.9	TBK
37	1821413536	Nguyễn	Minh	Trí	31/10/1993	K18KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	6.0	6.0	7.0	6.5	6.1	TBK
38	1821414102	Văn	Hữu	Triều	08/10/1993	K18KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.1	TBK
39	1821413841	Hồ	Thiên	Trúc	30/12/1992	K18KTR2	7.0	6.0	5.0	5.8					7.0	5.0	7.0	6.6		KĐĐK
40	1821414072	Trần	Văn	Trung	23/10/1993	K18KTR2	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK
41	1821414100	Nguyễn	Quang	Viên	09/08/1994	K18KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.4	TBK
42	1821414086	Trần	Đình Hoàng	Vũ	26/06/1994	K18KTR2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.4	TBK
43	1821415199	Huỳnh	Thanh	Vũ	20/07/1994	K18KTR2	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.6	TBK

1	1821414757	Lê Quang Anh	18/05/1993	K18KTR3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK
2	1821414077	Nguyễn Việt Cường	10/07/1994	K18KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.2	TBK
3	1821414073	Nguyễn Văn Diệu	03/08/1992	K18KTR3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.2	TBK
4	1821416619	Phạm Ngọc Duân	25/05/1994	K18KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	6.5	TBK
5	1821413535	Phan Tiến Dũng	25/07/1994	K18KTR3	6.0	6.0	5.0	5.5	7.0	5.0	5.0	5.6	6.0	7.0				KĐĐK
6	1821414098	Nguyễn Văn Dương	13/07/1994	K18KTR3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK
7	1821414105	Trần Việt Đan	22/12/1994	K18KTR3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK
8	1821414772	Nguyễn Anh Đức	13/07/1994	K18KTR3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	6.0	6.1	6.0	6.0	7.0	6.5	6.3	TBK
9	1821416015	Nguyễn Hoàng Hải	02/01/1994	K18KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.3	TBK
10	1821415208	Nguyễn Hêli	06/09/1994	K18KTR3	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.1	TBK
11	1821415195	Lê Ngọc Hiếu	06/01/1993	K18KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.2	TBK
12	1821413549	Trương Khánh Hòa	09/01/1994	K18KTR3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
13	1821414765	Phan Thanh Hoàn	12/07/1994	K18KTR3	6.0		6.0		6.0	5.0	6.0	5.8	6.0	8.0	7.0	6.9		KĐĐK
14	1821414753	Lê Phi Hoàng	20/07/1993	K18KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK
15	1821414768	Phạm Thái Hoàng	26/08/1994	K18KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
16	1821413844	Đào Thanh Hùng	18/07/1994	K18KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	7.0	7.2	6.6	TBK
17	1821416011	Nguyễn Đặng Quốc Huy	03/09/1993	K18KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
18	1821415833	Lê Công Hường	12/06/1994	K18KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.2	TBK
19	1821415207	Nguyễn Văn Khải	01/10/1994	K18KTR3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK
20	1821415217	Nguyễn Quang Khánh	18/02/1993	K18KTR3	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	8.0	7.0	7.2	6.3	TBK
21	1821415839	Trần Quang Linh	20/02/1994	K18KTR3	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.4	TBK
22	1821415652	Hồ Hải Long	14/01/1994	K18KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
23	1821415204	Nguyễn Huy Nam	27/02/1992	K18KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.2	TBK
24	1820414089	Trần Thị Thiên Nga	03/05/1993	K18KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	6.5	TBK
25	1821415212	Trần Kiêm Nguyên	25/12/1993	K18KTR3	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.4	TBK
26	1820414107	Huỳnh Thị Ý Nhi	19/10/1993	K18KTR3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK
27	1821413532	Trần Anh Tấn Phát	01/12/1994	K18KTR3	7.0	5.0			7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK
28	1821414092	Bùi Trường Phúc	16/03/1993	K18KTR3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	6.5	TBK
29	1821413838	Trần Xuân Quang	15/11/1994	K18KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
30	1821414755	Hồ Thiện Quang	10/08/1993	K18KTR3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK
31	1821416618	Phạm Ngọc Quang	10/11/1994	K18KTR3	7.0		5.0		7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2		KĐĐK
32	1821413540	Đỗ Hoàng Quân	04/05/1994	K18KTR3	7.0		6.0		7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2		KĐĐK
33	1821414081	Trần Vũ Tuấn Sinh	08/01/1994	K18KTR3	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.1	TBK
34	1821414090	Huỳnh Anh Tú	25/05/1993	K18KTR3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.6	TBK
35	1821416203	Lê Tài Tùng	11/02/1994	K18KTR3	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	5.0	5.0	5.6	6.0	8.0	7.0	6.9	5.9	TB

36	1821415656	Nguyễn Minh	Tuyền	18/08/1990	K18KTR3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK
37	1821413543	Lương Văn	Thành	28/10/1993	K18KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.5	TBK
38	1821415650	Trần Duy	Thịnh	03/09/1993	K18KTR3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
39	1820414088	Phạm Thùy	Trang	15/12/1994	K18KTR3									6.0					KĐĐK
40	1821414075	Võ Thiện	Trí	17/05/1994	K18KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	6.5	TBK
41	1820415201	Mai Thị Tô	Trinh	17/08/1993	K18KTR3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	6.0	7.0	6.8	6.1	TBK
42	1821413846	Nguyễn Thành	Trung	26/06/1993	K18KTR3	7.0		5.0		7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK
43	1821414095	Vũ Tuấn	Trung	14/12/1994	K18KTR3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	5.0	5.6	6.0	8.0	7.0	6.9	6.3	TBK
44	1821413533	Phạm Hoàng	Việt	31/03/1990	K18KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0			6.0	8.0	7.0	6.9		KĐĐK
45	1821413546	Trần Quang	Vũ	20/05/1994	K18KTR3	6.0	6.0	6.0	6.0	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	6.4	TBK
46	1821415651	Lê Nguyễn	Vũ	10/10/1992	K18KTR3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	8.0	6.0	6.7	6.2	TBK
47	1821414085	Vũ Đình Lu	Y	25/08/1993	K18KTR3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	8.0	5.0	6.2	7.0	8.0	7.0	7.2	6.3	TBK
1	1820424146	Trần Hoàng	Anh	09/03/1994	K18KTN	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	6.0	6.7	6.6	TBK
2	1820424789	Lê Thị Hồng	Dung	06/01/1994	K18KTN	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.5	TBK
3	1821424145	Đặng Thế	Duyệt	23/03/1993	K18KTN	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
4	1821425246	Trần Văn	Giáp	10/11/1993	K18KTN	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	6.0	6.7	6.2	TBK
5	1821426024	Nguyễn Văn	Hạnh	04/05/1993	K18KTN	6.0	7.0	7.0	6.7	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
6	1820425851	Trần Thị	Hoài	12/09/1994	K18KTN	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	8.0	6.0	6.7	6.7	TBK
7	1821424790	Hà Phan Triệu	Hoàng	14/04/1993	K18KTN	6.0	6.0	6.0	6.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
8	1821413556	Võ Đình	Hùng	05/10/1993	K18KTN	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.2	TBK
9	1821426543	Đặng Lê Quốc	Long	30/11/1992	K18KTN	7.0		5.0		7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2		KĐĐK
10	1820425848	Lê Nguyễn Ai	Mỹ	19/03/1994	K18KTN	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.1	TBK
11	1820424788	Châu Thị Bích	Nga	26/01/1994	K18KTN	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.3	TBK
12	1820426207	Trần Thị	Nguyễn	08/04/1994	K18KTN	6.0		5.0		7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2		KĐĐK
13	1821416293	Nguyễn Thanh	Nhân	25/11/1993	K18KTN	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	6.0	6.7	6.6	TBK
14	1820426027	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	10/05/1994	K18KTN	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
15	1821425847	Trần Hữu	Quốc	11/02/1993	K18KTN	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	6.2	TBK
16	1821425846	Nguyễn Tiến	Sỹ	29/12/1993	K18KTN	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	6.0	6.7	6.1	TBK
17	1821425249	Hồ Đắc	Tài	29/03/1993	K18KTN	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK
18	1820425849	Tạ Thị	Thảo	23/09/1994	K18KTN	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
19	1821426026	Bùi Đức	Trương	15/11/1993	K18KTN	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	6.0	6.7	6.5	TBK
20	1820424143	Phạm Bảo	Uyên	24/07/1994	K18KTN	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.2	TBK
21	1820425845	Võ Đăng	Uyên	30/07/1994	K18KTN	6.0	6.0	7.0	6.5	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	8.0	6.0	6.7	6.8	TBK
22	1821424144	Nguyễn	Vương	01/04/1994	K18KTN	6.0	6.0	7.0	6.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK
23	1820426622	Võ Thị Kim	Yên	25/03/1993	K18KTN	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.2	TBK

1	1821413566	Nguyễn	Hoàng	Anh	01/01/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
2	1821413848	Nguyễn	Bùi Quốc	Bảo	18/12/1994	K18CSU_KTR1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	9.0	6.0	6.9	6.7	TBK
3	1821413849	Huỳnh	Tấn	Cường	11/08/1993	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
4	1820416017	Phan	Trần Thùy	Chung	28/05/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	5.0	6.0	6.1	TBK
5	1820415843	Hoàng	Thị Thùy	Dung	15/08/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK
6	1821413551	Nguyễn	Phan Phước	Đức	19/11/1992	K18CSU_KTR1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	5.0	6.0	6.2	TBK
7	1821413569	Mai	Văn	Hà	19/01/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	6.9	TBK
8	1821413559	Nguyễn	Văn	Hiệp	07/01/1993	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
9	1821413560	Nguyễn	Văn	Hòa	07/01/1993	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	6.0	6.7	6.5	TBK
10	1821413857	Trương	Xuân	Hùng	04/01/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	6.0	6.7	6.5	TBK
11	1821414117	Lê	Thanh	Hùng	11/04/1994	K18CSU_KTR1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK
12	1821413547	Lê	Viết Duy	Hung	08/01/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	9.0	7.0	7.4	7.0	K
13	1821414122	Nguyễn	Duy	Khoa	23/04/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	5.0	6.2	6.1	TBK
14	1821413553	Mai	Phước	Linh	29/09/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK
15	1821413853	Ngô	Tuấn	Lĩnh	30/07/1993	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK
16	1821414112	Thái	Quang	Minh	08/03/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.2	TBK
17	1820416023	Phan	Xuân	Mỹ	17/10/1994	K18CSU_KTR1	6.0	5.0	5.0	5.3	5.0		6.0		7.0	7.0	6.0	6.5		KĐĐK
18	1821413562	Phạm	Trương Như	Ngọc	09/09/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	9.0	6.0	6.9	6.9	TBK
19	1821413567	Hồ	Công	Ngọc	27/12/1992	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	6.0	8.0	6.0	6.4	6.2	TBK
20	1821413856	Lê	Phan	Nguyễn	27/10/1993	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	6.0	6.7	6.5	TBK
21	1821413554	Trần	Văn	Nhân	27/03/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.0	7.0	5.0	5.7	6.0	TBK
22	1821413564	Văn	Bá	Nhật	27/06/1993	K18CSU_KTR1	7.0		7.0		7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	6.0	5.0	5.8		KĐĐK
23	1820425850	Nguyễn	Thị Hồng	Nhung	14/12/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	7.0	6.0	6.5	6.6	TBK
24	1821413855	Đặng	Minh	Nhật	05/02/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK
25	1821414109	Nguyễn		Phan	12/07/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK
26	1821415226	Nguyễn	Thanh	Phúc	01/01/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K
27	1821413854	Trần	Thanh	Quân	12/02/1993	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
28	1820416204	Nguyễn	Thị Minh	Sang	03/01/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.5	TBK
29	1821415665	Nguyễn	Hoàng	Sinh	24/09/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.0	7.0	5.0	5.7	6.1	TBK
30	1821413561	Đặng	Lê Đức	Tài	22/02/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK
31	1820415662	Nguyễn	Thị Thanh	Tâm	04/03/1994	K18CSU_KTR1	6.0	5.0	6.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	8.0	7.7	6.7	TBK
32	1821413847	Nguyễn	Vinh	Tân	20/11/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.3	TBK
33	1821413850	Nguyễn	Ngọc Anh	Tú	03/02/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.2	TBK
34	1821414119	Hồ	Ngọc	Tú	23/11/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	5.0	5.6	6.0	6.0	5.0	5.5	5.6	TB
35	1821413563	Trần	Thanh	Tùng	20/06/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	5.0	6.0	6.1	TBK

36	1821416542	Nguyễn	Quang	Thanh	30/06/1994	K18CSU_KTR1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
37	1820416717	Võ	Thị Điền	Trang	01/09/1993	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	6.0	5.0	5.0	7.0	8.0	5.0	6.2		KĐĐK	
38	1821413557	Trần	Văn	Vũ	23/04/1994	K18CSU_KTR1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
39	1821414118	Nguyễn	Văn Anh	Vũ	26/02/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK
40	1821413558	Võ	Văn	Vương	21/01/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	5.0	5.6	6.0	TBK
41	1821413568	Bùi	Phúc	Xuân	29/03/1994	K18CSU_KTR1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.0	TBK
1	1821414134	Hoàng	Tấn	Ái	24/11/1993	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.2	TBK
2	1820414114	Trần	Thị Như	Anh	27/08/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK
3	1820414126	Phạm	Quỳnh	Anh	29/07/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.2	6.3	TBK
4	1821414779	Vũ	Quang Hồng	Anh	25/01/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	6.0	6.7	6.4	TBK
5	1820413851	Nguyễn	Thị Nhật	Ánh	29/08/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK
6	1821414125	Phạm	Thành	Công	06/04/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK
7	1820414110	Nguyễn	Thị	Diễm	19/10/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
8	1821414123	Nguyễn	Công Huỳnh	Đăng	22/09/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK
9	1821414775	Trần	Quốc	Hiếu	30/06/1993	K18CSU_KTR2	7.0		6.0		6.0	6.0	7.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK
10	1821414783	Nguyễn	Huỳnh Anh	Kha	16/03/1993	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.4	TBK
11	1821414132	Trần	Nguyễn Đăng	Khoa	10/01/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
12	1821414776	Nguyễn	Thái	Lào	06/04/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	6.0	6.0	6.3	6.8	TBK
13	1821414133	Phạm	Thành	Lộc	24/01/1994	K18CSU_KTR2	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
14	1821414129	Trần	Trung	Lương	24/04/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	8.0	7.0	7.2	6.4	TBK
15	1820414121	Phạm	Thị Ánh	Ly	24/04/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.1	TBK
16	1820414082	Phạm	Thị Tuyết	Mai	30/10/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK
17	1821414135	Hoàng	Tấn	Nhân	24/11/1993	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.2	TBK
18	1820414127	Trần	Thị	Nhật	20/08/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK
19	1820414113	Phan	Nguyễn Yên	Nhi	25/07/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
20	1821414140	Nguyễn	Văn Hoàng	Phong	25/05/1993	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.0	TBK
21	1821415225	Nguyễn	Quốc	Phú	17/07/1993	K18CSU_KTR2	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK
22	1821415227	Trịnh	Hữu	Phượng	07/10/1993	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
23	1821414773	Văn	Hồng	Quân	14/04/1994	K18CSU_KTR2	6.0	6.0	5.0	5.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
24	1821414782	Lê	Hùng	Quyên	11/01/1993	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.3	TBK
25	1821414128	Trần		Tâm	24/11/1993	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
26	1821414139	Nguyễn	Thanh	Tuấn	11/08/1994	K18CSU_KTR2	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK
27	1821414785	Phạm	Đình	Thành	04/10/1994	K18CSU_KTR2	6.0	6.0	6.0	6.0	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.1	TBK
28	1821416728	Trương	Đặng	Thành	05/07/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.6	TBK

29	1821414124	Trương	Đức	Thắng	05/12/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	6.0	6.5	6.2	TBK
30	1820414120	Nguyễn	Hoàng Anh	Thư	14/10/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
31	1821414787	Võ	Xuân	Trí	17/12/1994	K18CSU_KTR2	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.0	TBK
32	1821416621	Ngô	Anh	Trí	24/03/1993	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.0	TBK
33	1821415224	Phạm	Tấn	Trình	01/02/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK
34	1821415228	Trần	Phước	Trịnh	23/07/1994	K18CSU_KTR2	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
35	1821414784	Trần	Quốc	Việt	03/08/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.1	TBK
36	1821413548	Phan	Minh Triệu	Vỹ	06/10/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
37	1820415235	Nguyễn	Vũ Anh	Thảo	11/12/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.6	TBK
1	1821415663	Trần	Hoàng Gia	Bảo	25/03/1994	K18CSU_KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
2	1821416576	Trần	Hữu	Bảo	03/12/1994	K18CSU_KTR3	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	9.0	7.0	7.4	7.0	K
3	1821415240	Cao	Xuân	Cương	26/03/1993	K18CSU_KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	8.0	6.0	6.7	6.2	TBK
4	1821415236	Nguyễn	Thanh	Chính	20/04/1994	K18CSU_KTR3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
5	1821415230	Võ	Văn	Chung	02/10/1994	K18CSU_KTR3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK
6	1821416294	Tôn	Long	Đại	30/05/1993	K18CSU_KTR3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK
7	1821415237	Nguyễn	Thành	Đạt	19/07/1994	K18CSU_KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
1	1821414764	Võ	Văn	Đạt	14/10/1994	K18CSU_KTR2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	8.0	7.3	6.8	TBK
1	1821415238	Nguyễn	Văn	Định	14/11/1994	K18CSU_KTR3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.6	TBK
2	1821416020	Trần	Đình Đức	Huy	10/05/1993	K18CSU_KTR3	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.1	TBK
3	1821415242	Lê	Công	Huyền	01/01/1994	K18CSU_KTR3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	6.9	TBK
4	1821416021	Trần	Minh	Khánh	31/08/1993	K18CSU_KTR3	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
5	1821415842	Vũ	Tài	Linh	18/08/1994	K18CSU_KTR3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.0	6.0	6.3	6.1	TBK
6	1821415231	Bùi	Văn	Lưu	14/03/1994	K18CSU_KTR3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	7.0	7.2	6.9	TBK
7	1821415660	Nguyễn	Hoàng Trung	Lưu	28/04/1994	K18CSU_KTR3	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK
8	1821415241	Dương	Anh	Nam	24/01/1994	K18CSU_KTR3	6.0	5.0	6.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.3	TBK
9	1820415232	Phạm	Phan Minh	Ngân	15/10/1994	K18CSU_KTR3	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	6.6	TBK
10	1820414130	Nguyễn	Dương Hồng	Ngọc	13/07/1993	K18CSU_KTR3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK
11	1820414137	Nguyễn	Bảo	Ngọc	16/07/1994	K18CSU_KTR3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
12	1821415841	Phạm	Bá	Phi	18/05/1994	K18CSU_KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	6.7	6.6	TBK
13	1821416019	Trần	Duy	Phong	07/03/1993	K18CSU_KTR3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.1	K
14	1821415243	Trần	Hà	Phú	28/07/1994	K18CSU_KTR3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0	6.0	6.3	5.9	TB
15	1821415664	Trà	Trung	Toàn	09/03/1994	K18CSU_KTR3	7.0	5.0	7.0	6.6	6.0	6.0	7.0	6.5	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK
16	1821416205	Võ	Nguyễn Minh	Toàn	26/03/1993	K18CSU_KTR3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	6.0	6.0	6.3	6.0	TBK
17	1820414142	Lê	Mai	Thảo	17/05/1994	K18CSU_KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.5	TBK

18	1821416016	Nguyễn	Danh	Thắng	30/03/1994	K18CSU_KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
19	1821416296	Huỳnh	Đại	Thiện	18/05/1994	K18CSU_KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	6.5	TBK
20	1821415234	Đỗ	Nguyễn Phúc	Thịnh	18/02/1994	K18CSU_KTR3	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K
21	1820414781	Nguyễn	Thị	Trang	17/01/1994	K18CSU_KTR3	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
22	1821416022	Nguyễn	Quang	Trí	23/06/1994	K18CSU_KTR3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	6.5	TBK
23	1820413544	Nguyễn	Tường	Vi	12/10/1994	K18CSU_KTR3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	7.0	8.0	7.5	6.8	TBK
24	1821416297	Phan	Hoàng	Vũ	17/11/1994	K18CSU_KTR3	7.0		8.0		7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	9.0	7.0	7.4		KĐĐK
25	1821415661	Nguyễn	Việt	Vương	14/11/1994	K18CSU_KTR3	7.0	5.0	5.0	5.6	6.0	5.0	6.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	6.0	TBK